

2018

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CP CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**



MCG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM (VIETNAM MECHANIZATION ELECTRIFICATION & CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY).
- Tên viết tắt: MECO
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100103295 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/11/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 15/8/2011.
- Vốn điều lệ: 575.100.000.000 đồng (*Năm trăm bảy mươi lăm tỷ một trăm triệu đồng*).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội.
- Số điện thoại: (8424) 2213 8518
- Số Fax: (8424) 3869 1568
- Website: <http://www.mecojsc.vn>
- Mã cổ phiếu: MCG.

* Quá trình hình thành và phát triển:

- Việc thành lập:

Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam tiền thân là *Xưởng sửa chữa máy kéo* được thành lập ngày 08 tháng 3 năm 1956 trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm (nay là Bộ Nông nghiệp & PTNT). Năm 1969 đổi tên thành: *Nhà máy đại tu máy kéo Hà Nội*. Năm 1977 tiếp tục đổi tên thành *Nhà máy cơ khí nông nghiệp I Hà Nội*.

Ngày 24/03/1993 đổi tên thành Công ty Cơ điện và Phát triển Nông thôn.

Ngày 29 tháng 10 năm 2003, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ra Quyết định số 4797/QĐ/BNN-TCCB, đổi tên Công ty Cơ điện và Phát triển Nông thôn thành Công ty Cơ điện - Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi Hà Nội, là doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

- Chuyển đổi sở hữu thành Công ty Cổ phần:

Ngày 09 tháng 12 năm 2004, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT ra Quyết định số 4465/QĐ/BNN-TCCB V/v: Chuyển doanh nghiệp nhà nước Công ty cơ điện xây dựng nông nghiệp và thủy lợi Hà Nội thành Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100103295 (số cũ 0103009916) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần 1 ngày 30/11/2005, vốn điều lệ là: 12.000.000.000 đồng.

Ngày 21 tháng 6 năm 2007, đổi tên thành **CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM.**

- *Niêm yết:*

Ngày 24/09/2009, Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam (MECO JSC) đã chính thức niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là **MCG**, theo Quyết định số 109 ngày 01/9/2009 của HOSE.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Về cơ khí và điện: Chế tạo, sửa chữa, lắp đặt thiết bị phụ tùng cơ khí phụ vụ cho ngành nông, lâm diêm nghiệp, thủy lợi và xây dựng; Chế tạo thiết bị nâng hạ máy và thiết bị dây chuyền chế biến nông sản: Cà phê, mía, đường, chè; Lắp ráp xe tải nhỏ phụ vụ nông thôn; Thiết kế và sản xuất các loại bơm đến 8.000m³/h;
- Xây lắp đường dây và trạm biến thế điện đến 35 KV; Chế tạo tủ điện hạ thế, tủ điều khiển trung tâm phục vụ thủy lợi và công nghiệp chế biến; Sản xuất và kinh doanh điện;
- Về xây dựng: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, xây dựng công trình thủy lợi; Hồ điều mồi, kênh mương, kè và đập; Xây lắp các công trình dân dụng, hệ thống xử lý nước thải công nghiệp, nước sạch nông thôn và vệ sinh môi trường;
- Chế tạo vỏ bọc che công trình công nghiệp; Đào đắp đất đá, san lấp mặt bằng, phát triển hạ tầng;
- Về thương mại và dịch vụ: Kinh doanh nội địa và xuất nhập khẩu các loại vật tư máy móc, thiết bị, hóa chất phục vụ nông nghiệp (trừ hóa chất Nhà nước cấm) và chế biến nông sản; Kinh doanh lương thực, thực phẩm và nông lâm sản;
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, gương, kính, ván nhân tạo; Cho thuê nhà ở, văn phòng làm việc, kho bãi, nhà xưởng; Kinh doanh khách sạn và dịch vụ lữ hành (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Đầu tư, xây dựng công trình nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, công nghiệp, dân dụng, giao thông, cơ sở hạ tầng nông thôn;
- Kinh doanh bất động sản;
- Khai thác khoáng sản, tài nguyên; khai thác vật liệu xây dựng (đá, cát, sỏi) bao gồm cả khảo sát thăm dò và chế biến (trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Khoan phụt vữa xi măng, gia cố, chống thấm và xử lý nền móng công trình xây dựng; Chống thấm nền và thân đê, thân đập công trình thủy lợi, thủy điện;
- Nạo vét sông ngòi, cửa sông, cửa biển; Sản xuất bê tông đầm lăn và bê tông các loại; Xây dựng giao thông đường bộ và đường sắt; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Thí nghiệm vật liệu xây dựng;
- Chế tạo và lắp đặt thiết bị và phụ tùng công trình thủy lợi, thủy điện; Chế tạo, sửa chữa và lắp đặt công trình nhà máy chế biến sản phẩm nông lâm nghiệp, chế tạo và lắp đặt công trình khung nhà kết cấu thép;
- Đầu tư kinh doanh nhà máy thủy điện, khu đô thị, hạ tầng khu công nghiệp, khu nhà cao tầng;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, vật liệu điện và kim khí khác; Kinh doanh thiết bị và phụ tùng máy xây dựng; Kinh doanh phương tiện vận tải; Kinh doanh dịch vụ nhà hàng; Kinh doanh dịch vụ quản lý nhà chung cư; Cho thuê máy móc thiết bị; Kinh doanh đại lý xăng dầu; Đại lý ký gửi hàng hóa;

- Giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở, giáo dục trung học phổ thông, giáo dục trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học; Dạy nghề ngắn hạn, dài hạn trong lĩnh vực: kinh doanh và quản lý, máy tính, xây dựng, công nghệ kỹ thuật mỏ địa chất và chế biến lương thực, thực phẩm (chỉ được hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội, ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng;
- Thiết kế công trình thủy điện, thủy lợi;
- Thiết kế lắp đặt thiết bị cơ khí công trình thủy điện;
- Giám sát thi công xây dựng loại công trình dân dụng và công nghiệp, thủy điện trong lĩnh vực chuyên môn giám sát: Xây dựng và hoàn thiện;
- Môi giới bất động sản;
- Định giá bất động sản;
- Sàn giao dịch bất động sản;
- Tư vấn, quảng cáo, quản lý bất động sản;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh và hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi, giải trí;
- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;
- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;
- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;
- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;
- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.
- (Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật).

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

3.1. Mô hình quản trị:

Quản trị trực tuyến chức năng.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

a. Đại hội đồng cổ đông

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất trong Công ty có quyền quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo luật Doanh nghiệp và điều lệ Công ty; bầu, miễn nhiệm cơ quan quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

b. Hội đồng quản trị

Được đại hội đồng cổ đông bầu ra để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông quyết định.

c. Ban kiểm soát

Được đại hội đồng cổ đông bầu ra để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

d. Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm, gồm Tổng giám đốc và các phó Tổng giám đốc.

Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về các quyết định tổ chức và điều hành sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty.

Các phó tổng giám đốc chuyên môn chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc Công ty về lĩnh vực được phân công phụ trách.

e. Các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ:

Trưởng các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ chịu sự điều hành của Tổng giám đốc Công ty và chịu trách nhiệm trực tiếp trước Tổng giám đốc Công ty về các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực phụ trách. Gồm các bộ phận tham mưu giúp việc cho ban Tổng giám đốc:

- Phòng Tổ chức - Hành chính
- Phòng Tài chính - kế toán
- Phòng Kế hoạch và đầu tư

f. Các chi nhánh:

Gồm các đơn vị hạch toán độc lập, Giám đốc chi nhánh chịu trách nhiệm trực tiếp trước Tổng giám đốc về việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của chi nhánh:

- Chi nhánh Thanh Hoá
- Chi nhánh Miền Trung
- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Tuyên Quang

g. Các Xí nghiệp trực thuộc:

Gồm các đơn vị hạch toán phụ thuộc, giám đốc Xí nghiệp chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp

- Xí nghiệp Thi công nền móng và công trình ngầm
- Xí nghiệp Thi công cơ giới và Sản xuất vật liệu

h. Các Trung tâm:

- Trung tâm thương mại xuất nhập khẩu
- Sàn giao dịch bất động sản

i. Các Ban chỉ huy:

Trưởng các ban chỉ huy chịu trách nhiệm trực tiếp trước Tổng giám đốc trong việc quản lý, điều hành và thực hiện các hợp đồng do Công ty đã ký kết.

- Ban chỉ huy công trình Đồng Nai 3
- Ban chỉ huy công trình Đakr'rtih
- Ban chỉ huy công trình Sê San 4
- Ban chỉ huy công trình Sông Tranh 2
- Ban chỉ huy công trình Hương Điền
- Ban chỉ huy công trình Nho quế 3

- Ban chỉ huy công trường thi công gói thầu số 5 - IITCT phân ranh mặn ngọt - Bạc Liêu.
- Ban chỉ huy công trường thi công gói thầu số 6 - Dự án Hồ chứa nước Bản Mòng
- Ban chỉ huy công trường thi công gói thầu số 1, 4 - Dự án Hồ chứa nước IAMOR
- Ban chỉ huy công trường thi công gói thầu 20 - Đập chính và đập phụ số 1 - Dự án HTTL Tân Mỹ, tỉnh Ninh Thuận

j. Ban điều hành các công trình:

Trưởng ban điều hành chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc Công ty trong việc điều hành, kiểm soát và tổ chức thực hiện các hợp đồng liên danh, tổng thầu.

- Ban điều hành liên danh Cơ Điện - thủy lợi 44
- Ban điều hành tổng thầu thi công xây lắp thủy điện Nậm Hóa 1.

k. Các Ban quản lý Dự án:

- Ban quản lý các dự án Bất động sản

Trưởng Ban quản lý chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc Công ty trong việc điều hành, kiểm soát và thực hiện các dự án.

- Ban quản lý Tòa nhà Mecco Complex.

3.3. Các công ty con, công ty liên kết:

3.1. Các công ty con:

a. Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Mecco (MECOEDI):

- Giá trị góp vốn: Mecco đã đầu tư 29,364 tỷ đồng, tỷ lệ quyền biểu quyết đạt 89%; Tỷ lệ lợi ích là 95,09%.

MECOEDI được thành lập 24/01/2008 với các ngành nghề kinh doanh chính; Sản xuất và kinh doanh điện năng; Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng; Xây dựng các công trình trung, hạ áp và trạm biến áp đến 32KV; Xuất nhập khẩu, kinh doanh thiết bị cơ khí, cơ điện, công nghiệp điện, điện tử; Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện; Buôn bán các loại máy móc, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, giao thông, thủy lợi.

- Địa chỉ trụ sở chính: Ngõ 102 đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

b. Công ty cổ phần Đầu tư Thủy điện AnPha:

- Giá trị góp vốn: Mecco đã đầu tư 228,48 tỷ đồng, tỷ lệ quyền biểu quyết chiếm 51% ; Tỷ lệ lợi ích là 59,5 %.

- ANPHA-EL được thành lập từ ngày 06/04/2007 với các ngành nghề kinh doanh chính là: Sản xuất, kinh doanh điện năng; Sản xuất vật liệu xây dựng; Xây dựng các công trình trung, hạ áp và trạm biến áp đến 35KV; Xuất nhập khẩu, kinh doanh thiết bị công nghiệp điện, điện tử; Xây dựng công trình dân dụng; Xây dựng công trình giao thông; Xây dựng công trình công nghiệp; Xây dựng công trình thủy điện; Dịch vụ thương mại;

- Địa chỉ trụ sở chính : Số 214, đường Tô Hiệu, Thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

c. Công ty cổ phần khoáng sản Meco (MecoM):

- Giá trị góp vốn: Meco đầu tư 6,602 tỷ đồng, tỷ lệ quyền biểu quyết đạt 75 % tỷ lệ lợi ích là 92,05 %.

- Công ty cổ phần khoáng sản Meco (MecoM) được thành lập từ ngày 29/03/2010 (Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) với các ngành nghề kinh doanh chính là: Khai thác quặng kim loại; Khai khoáng khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; công trình giao thông, công trình công ích; San lấp mặt bằng công trình các loại; Bán buôn, bán lẻ vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Kho bãi và lưu trữ hàng hóa; Cho thuê xe có động cơ.

- Địa chỉ trụ sở chính : Thôn Đồng Lạt, xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

d. Công ty cổ phần Bất động sản Meco (MECOLAND):

- Giá trị góp vốn: Meco đã đầu tư 13,5 tỷ đồng, tỷ lệ quyền biểu quyết đạt 67,5%; Tỷ lệ lợi ích là 67,5%.

- Công ty cổ phần Bất động sản Meco (MECOLAND) được thành lập từ ngày 19 tháng 01 năm 2012 (Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần) với các ngành nghề kinh doanh chính là: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; Quảng cáo; Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; Hoạt động tư vấn quản lý; Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Chuẩn bị mặt bằng, Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Cho thuê xe có động cơ; Phá dỡ; Hoạt động thiết kế chuyên dụng; Kiểm tra và phân tích kỹ thuật; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Môi giới bất động sản, định giá bất động sản, quản lý bất động sản.

- Địa chỉ trụ sở chính: Ngõ 102 Đường Trường Chinh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

3.2. Các công ty liên kết:

a. Công ty cổ phần thủy điện Thác Xăng (THAC XANG., JSC):

- Meco góp vốn đầu tư 16,73 tỷ đồng với tỷ lệ sở hữu của Meco là 77,95%; Tỷ lệ quyền biểu quyết là 35%.

- Công ty cổ phần thủy điện Thác Xăng được thành lập từ 05/04/2007 (Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) với các ngành nghề kinh doanh chính là: Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, cơ sở hạ tầng và khu du lịch; sản xuất và kinh doanh điện; lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch; kinh doanh khu du lịch sinh thái, dịch vụ vui chơi giải trí ; Nuôi trồng thủy sản

- Địa chỉ trụ sở chính: Ngõ 102 đường Trường Chinh, Phường Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội.

b. Công ty Cổ phần Cơ khí Văn Lâm :

- Giá trị góp vốn: Mecos đã đầu tư 8.05 tỷ đồng, tỷ lệ sở hữu của Mecos là 100%; Tỷ lệ quyền biểu quyết đạt 45%.

- Công Ty Cổ Phần Cơ Khí Văn Lâm thành lập ngày 20-09-2007 với các ngành nghề kinh doanh chính là: sản xuất Cơ điện; Xây dựng; Gia công cơ khí; Sản xuất các thiết bị nâng, hạ, bốc xếp; thiết bị phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, cơ khí.....Đã và đang tham gia thi công nhiều công trình thủy lợi, thủy điện lớn...

- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Ngọc Loan, Xã Tân Quang, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên.

c. Công ty Xây dựng thủy lợi Mecos Sài Gòn :

- Giá trị góp vốn: Mecos đã đầu tư 4,2 tỷ đồng, tỷ lệ sở hữu của Mecos là 28,05%; Tỷ lệ quyền biểu quyết đạt 28,05%.

- Công ty Xây dựng thủy lợi Mecos Sài Gòn thành lập ngày 20-02-2007 với các ngành nghề kinh doanh chính là: Xây dựng công trình Thủy lợi, thủy điện, công trình giao thông và công trình xây dựng dân dụng

- Địa chỉ trụ sở chính : 205 Nguyễn Xí, phường 26 quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh.

4. Định hướng phát triển:

*** Mục tiêu chủ yếu của MECO năm 2019:**

- Với mục tiêu phát triển ổn định - bền vững, Công ty tập trung mọi nguồn lực cho 2 ngành mũi nhọn là: Năng lượng và Bất động sản nhằm vươn đến sự phát triển vững mạnh trong tương lai.

- Phát huy thế mạnh trong lĩnh vực Xây lắp, Kinh doanh Bất động sản, Kinh doanh điện, Sản xuất công nghiệp theo chiều sâu.

- Tập trung chỉ đạo tổ chức công tác thu hồi vốn tại các công trình tồn đọng nhiều năm qua.

- Phát triển quản trị nguồn nhân lực để gia tăng giá trị đạt được các mục tiêu chiến lược của Công ty.

*** Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

- Đầu tư kinh doanh lĩnh vực Bất động sản:

+ Xin đầu tư vào ô đất 3.000m² tại dự án 102 Trường Chinh với chức năng dự kiến là: Trung tâm đỗ xe, văn hóa thể thao và giáo dục thể chất.

+ Thu xếp vốn triển khai dự án Khu đô thị Dương Nội.

+ Tiếp tục tìm kiếm cơ hội đầu tư vào lĩnh vực Bất động sản khác.

- Đầu tư kinh doanh điện:

+ Tập trung khai thác hiệu quả dự án thủy điện Nậm Hóa 2 công suất 8MW đã hoàn thành.

+ Tập trung tối đa các nguồn lực để hoàn thành và phát điện dự án thủy điện Nậm Hóa 1 (công suất 18MW) vào năm 2019.

- Xây dựng công nghiệp và dân dụng:

+ Đẩy nhanh tiến độ thi công của công trình thủy điện Nậm Hóa 1, huy động tối đa khả năng, năng lực của các nhà thầu trong việc đảm bảo tiến độ thi công theo kế hoạch.

+ Tập trung điều phối các nguồn lực để hoàn thành hai dự án thủy điện Khánh Khê - Lạng Sơn và dự án thủy điện Suối Choang - Nghệ An.

+ Chuẩn bị sẵn sàng các nguồn lực để thi công tiếp Công trình hồ chứa nước Bản Mông - Sơn La.

- Sản xuất Công nghiệp:

+ Duy trì và phát huy sản xuất các sản phẩm cơ khí truyền thống.

+ Đẩy mạnh hoạt động tự chủ sản xuất kinh doanh tại Công ty CP Cơ khí Văn Lâm.

- Kinh doanh thương mại:

+ Quản lý chặt chẽ các hợp đồng thương mại theo nguyên tắc đảm bảo an toàn vốn và có hiệu quả. Lựa chọn kỹ càng các đối tác có năng lực, uy tín, trong hợp tác kinh doanh, tránh các đối tác chiếm dụng vốn của Công ty.

+ Lựa chọn đối tác liên doanh liên kết với có năng lực, uy tín, để tìm kiếm các công việc mới trên nguyên tắc phù hợp và phát huy năng lực nội tại của Công ty.

*** Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:**

- Với mục tiêu đầu tư vào các dự án sử dụng nguồn năng lượng sạch, thân thiện với môi trường, các dự án trọng điểm của Công ty đều tập trung vào lĩnh vực xây dựng các công trình thủy điện, sử dụng nguồn năng lượng nước để sản xuất điện năng phục vụ đời sống sinh hoạt sản xuất kinh doanh của cộng đồng. Đặc biệt, các dự án thủy điện của Công ty được thực hiện ở các vùng sâu vùng xa, vùng có điều kiện khó khăn, nên tạo công ăn việc làm cho một bộ phận không nhỏ lao động phổ thông tại địa phương.

- Ngoài ra, Công ty cũng đã thực hiện nhiều chương trình vì cộng đồng như: ủng hộ các quỹ từ thiện, giúp đỡ vì người nghèo, ủng hộ đồng bào bão lũ,.....

5. Các rủi ro:

Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, đầu tư và kinh doanh bất động sản, cơ khí, thương mại và kinh doanh điện. Vì vậy, ngoài những rủi ro đặc thù của ngành, doanh nghiệp còn phải chịu những rủi ro chung trước những biến động bất thường của nền kinh tế. Những rủi ro có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty:

- Rủi ro từ chính sách pháp luật của nhà nước: nhà nước thay đổi chính sách về thuế, tài chính, thu nhập - tiền lương... sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, phá vỡ mục tiêu kế hoạch công ty trong quá trình thực hiện. Để giảm thiểu từ sự thay đổi chính sách pháp luật của nhà nước, Công ty nâng cao khả năng cập nhật thay các chính sách cho các tiểu ban pháp chế, lập Ban kiểm soát nội bộ để kiểm soát sự thay đổi của chính sách, tư vấn kịp thời cho Ban giám đốc trong quá trình đưa ra các quyết định kinh doanh.

- Rủi ro từ môi trường kinh doanh gồm những nhân tố: Lãi suất cho vay ngân hàng; diễn biến của thị trường bất động sản; Biến động tăng giá các yếu tố đầu vào; làm tăng chi phí ảnh hưởng đến lợi nhuận và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty...

- Rủi ro hiện hữu trong doanh nghiệp:

+ Rủi ro về biến động nhân sự: Tình hình biến động về nhân sự có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến mục tiêu sản xuất kinh doanh của công ty;

+ Rủi ro về hoạt động cung ứng của các nhà thầu phụ; nhà cung cấp, tất cả các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng cung cấp của các nhà cung cấp có thể ảnh hưởng đến tiến độ thi công xây dựng công trình và ảnh hưởng đến hoạt động chung của công ty;

+ Rủi ro trong công tác huy động vốn; cân đối và sử dụng nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh;

+ Rủi ro trong quan hệ với khách hàng;

- Rủi ro trong hoạt động khai thác các dự án đầu tư.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trong năm 2018, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty được phản ánh qua các chỉ tiêu sau:

Chỉ tiêu (hợp nhất)	Kế hoạch 2018 (triệu đồng)	Thực hiện 2018 (triệu đồng)	% Hoàn thành kế hoạch
Tổng giá trị SXKD	255.365	104.315,80	40,8
Tổng doanh thu	309.101	106.763,60	34,5
Lợi nhuận sau thuế	4.653	- 155.923	

* Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2018, công ty chưa hoàn thành được các chỉ tiêu đề ra tại Đại hội cổ đông năm 2017 là do các nguyên nhân chủ yếu sau:

- Nguyên nhân khách quan:

+ Tình hình thời tiết tại các địa phương có công trình công ty đang triển khai thi công biến đổi phức tạp, ảnh hưởng trực tiếp đến việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra.

+ Địa chất tại công trình có một số thay đổi so với khảo sát thiết kế ban đầu làm gia tăng chi phí và kéo dài thời gian thi công.

+ Ảnh hưởng bởi sự tác động của một số phong tục, tập quán, văn hóa, chính sách tại Địa phương nơi có các công trình công ty thi công cũng là nguyên nhân lớn tác động đến việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty đã đề ra.

+ Ngoài ra, sự bất ổn của môi trường kinh doanh trong nước đặc biệt là sự ảnh hưởng trong lĩnh vực kinh doanh Bất động sản và xây dựng.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Một số công trình dự án (Công ty làm tổng thầu thi công) chưa thu xếp kịp vốn để đẩy nhanh tiến độ như: Công trình thủy điện Suối Choang, Công trình thủy điện Khánh Khê.

+ Kế hoạch tổng thầu thi công xây lắp khu đô thị mới phía Đông Văn Giang có quy mô diện tích (53 ha) không triển khai được.

+ Kế hoạch thi công xây lắp Nhà máy điện Hồng Phong chưa thực hiện được do chính sách của nhà nước thay đổi.

+ Doanh thu kinh doanh bất động sản không hoàn thành kế hoạch là do công ty chưa thực hiện xong thủ tục pháp lý chuyển đổi một phần chức năng tòa văn phòng HH1B sang nhà ở để bán.

+ Công tác phân tích lập kế hoạch, cân đối nguồn vốn phục vụ các dự án còn chưa đáp ứng tiến độ thực hiện các dự án, công trình.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách Ban điều hành:

➤ Danh sách Ban điều hành và tỷ lệ sở hữu cổ phần:

Vốn điều lệ đầu kỳ, ngày 20/3/2018: 57.510.000.000 đồng

Vốn điều lệ đến thời điểm 18/3/2019: 57.510.000.000 đồng

STT	Họ tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần đầu kỳ	Thay đổi tỷ lệ nắm giữ
			(ngày 08/3/2017)	(tính đến ngày 20/3/2018)
1	Nguyễn Ngọc Bình	Chủ tịch HĐQT	8.998.880 cổ phần (15,65% vốn điều lệ)	8.998.880 cổ phần (15,65% vốn điều lệ)
2	Trần Hải Anh	TV HĐQT, Tổng GD	5.600 cổ phần (0,01% vốn điều lệ)	5.600 cổ phần (0,01% vốn điều lệ)
3	Nguyễn Văn Huyền	TV HĐQT, Phó TGD	26.400 cổ phần (0,05 % vốn điều lệ)	26.400 cổ phần (0,05 % vốn điều lệ)
4	Ngô Tuấn Anh	Phó TGD	0 cổ phần (0,0% vốn điều lệ)	0 cổ phần (0,0% vốn điều lệ)
5	Nguyễn Ngọc Hưng	TV HĐQT, Phó TGD	18.000 cổ phần (0,031% vốn điều lệ)	18.000 cổ phần (0,031% vốn điều lệ)
6	Nguyễn Thị Phương Ngọc	Phó TGD	0 cổ phần (0,0% vốn điều lệ)	0 cổ phần (0,0% vốn điều lệ)
7	Nghiêm Thị Mai Hoa	Trưởng Ban Kiểm soát	3.700 cổ phần (0,006% vốn điều lệ)	3.700 cổ phần (0,006% vốn điều lệ)
8	Nguyễn Tiến Hiền	TV Ban Kiểm soát	0 cổ phần (0,0% vốn điều lệ)	0 cổ phần (0,0% vốn điều lệ)
9	Hoàng Thị Kim Anh	TV Ban Kiểm soát	17.640 cổ phần (0,031% vốn điều lệ)	17.640 cổ phần (0,031% vốn điều lệ)

* Tóm tắt lý lịch Ban điều hành:

➤ Ông Nguyễn Ngọc Bình - Chủ tịch HĐQT.

- Ngày sinh: 02/04/1957

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế tạo máy, Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác: (Nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua)

Từ tháng năm/ đến tháng năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (Đảng, chính quyền, đoàn thể)
Từ 02/1979 đến 9/1981	Giáo viên dạy nghề Trường CNKT bên cạnh Nhà máy Cơ khí NN I.
Từ 10/1981 đến 6/1986	Cán bộ phòng Cung tiêu Nhà máy Cơ khí Nông nghiệp I Hà Nội.
Từ 7/1986 đến 12/1992	Phó Phòng kinh doanh - Nhà máy Cơ khí Nông Nghiệp I. Quản đốc phân xưởng cơ khí sửa chữa
Từ 01/1993 đến 03/2000	Giám đốc Xí nghiệp liên doanh kính Long Giang.
Từ 04/2000- 8/2002	Phó Giám đốc Công ty Cơ điện và Phát triển nông thôn.
Từ 09/2002- 04/2003	Giám đốc Công ty Cơ điện và Phát triển nông thôn.
Từ 05/2003 - 12/2003	Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Công ty Cơ điện và Phát triển nông thôn.
Từ 01/2004 đến 6/2005	Bí thư Đảng ủy, Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Cơ điện XD NN và Thủy lợi - kiêm Giám đốc Công ty Cơ điện - Xây dựng NN&TL Hà Nội
Từ 07/2005 đến 10/2005	Quận ủy viên, Bí thư Đảng ủy, Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi; Chủ tịch Hội đồng quản trị - kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng nay là Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam.
Từ 11/2005 đến 7/2008	Quận ủy viên, Bí thư Đảng ủy, Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi; Chủ tịch Hội đồng quản trị - kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng nay là Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam.
Từ 08/2008 đến 01/2010	Quận ủy viên, Bí thư Đảng ủy, Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam.
Từ 02/2010 đến 04/2010	Quận ủy viên, Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam.
Từ 05/2010 đến 04/2011	Quận ủy viên, Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi; Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam; Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thiết bị phụ tùng Cơ điện.
Từ 04/2011 đến 8/2015	Quận ủy viên, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam; Tổng giám đốc Công ty CP Thiết bị phụ tùng Cơ điện.
Từ 9/2015 đến 31/3/2018	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam; Tổng giám đốc Công ty CP Thiết bị phụ tùng Cơ điện.
Từ 4/2018 đến 31/12/2018	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam; Tổng giám đốc Công ty CP Thiết bị phụ tùng Cơ điện.

- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

➤ Ông Trần Hải Anh - Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc.

- Ngày sinh: 21/4/1976.
- Trình độ chuyên môn: Kiến trúc sư, Thạc sĩ kiến trúc sư.

Quá trình công tác: (Nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua)

Thời gian	Chức vụ
Từ 10/1999 đến 12/2004	Giảng viên Trường Đại học dân lập Hải Phòng
Từ 04/2006 đến 02/2007	Kiến trúc sư, phòng Kỹ thuật - Xây dựng, Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng
Từ 03/2007 đến 06/2007	Thạc sĩ Kiến trúc giữ chức Phó giám đốc Xí nghiệp Xây lắp, Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng
Từ 07/2007 đến 07/2008	Giám đốc Xí nghiệp Xây lắp, Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam
Từ 08/2008 đến 03/2009	Tham gia Ban điều hành Công ty cổ phần BP Tư vấn và Đầu tư Xây dựng
Từ 04/2009 đến 8/2011	Thành viên Ban kiểm soát kiêm Phó Ban quản lý dự án 102 Trường Chinh, Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam
Từ 9/2011 đến 4/2011	Trưởng Ban quản lý dự án 102 Trường Chinh, Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam
Từ 5/2011 đến 12/2011	Giám đốc Ban quản lý các dự án đầu tư Bất động sản
Từ 01/2012 đến 3/2015	Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc BQL các dự án đầu tư Bất động sản
Từ 4/2015 đến 6/2015	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Ban quản lý các dự án đầu tư Bất động sản
Từ 7/2015 đến 3/2018	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Khối Bất động sản Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam
Từ 4/2018 đến 31/12/2018	Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam

- Chức vụ công tác: Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty.

➤ Ông Nguyễn Văn Huyền - Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc.

- Ngày sinh: 15/06/1971
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế Thủy lợi

Quá trình công tác: (Nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua)

Thời gian	Chức vụ
Từ 04/1996 đến 08/1999	Cán bộ kỹ thuật - Tổng công ty Xây dựng Thủy lợi 4
Từ 07/2000 đến 02/2003	Trưởng BCH công trình, trưởng ban Kế hoạch và Kinh doanh - Xí nghiệp XD và Đầu tư hạ tầng, Công ty thi công cơ giới
Từ 02/2003 đến 03/2005	Cán bộ Kỹ thuật, Ban quản lý dự án thủy lợi 4
Từ 03/2005 đến 06/2006	Phó phòng Kỹ thuật dự án thủy điện PleiKrông – Ban quản lý dự án thủy điện 4
Từ 06/2006 đến 02/2009	Phó trưởng phòng Kỹ thuật, phụ trách Kỹ thuật thủy điện PleiKrông, SêSan 4, Ban quản lý dự án thủy lợi 4
Từ 03/2009 đến 06/2009	Phó giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh
Từ 07/2009 đến 31/12/2018	Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc Khối Xây lắp Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam kiêm Giám đốc Chi nhánh Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh

- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT, Phó TGD Công ty, kiêm Giám đốc Khối Xây lắp.

➤ **Ông Ngô Tuấn Anh - Phó Tổng Giám đốc.**

- Ngày sinh: 14/10/1967
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thủy lợi; Thạc sĩ kinh tế TNTN và MT.

Quá trình công tác: (Nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua)

Thời gian	Chức vụ
Từ 7/1991 đến 01/1997	Phụ trách đội cơ giới, Công ty xây dựng thủy lợi 2.
Từ 01/1997 đến 6/1997	Phòng Kỹ thuật, Công ty Cơ khí điện thủy lợi.
Từ 06/1997 đến 6/2002	Cán bộ phòng Kinh tế, Kỹ thuật đầu thầu, Tổng công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi.
Từ 6/2002 đến 3/2010	Trưởng phòng Đầu thầu - Thi công, Tổng công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi.
Từ 3/2010 đến 11/2010	Giám đốc Trung tâm nghiên cứu tư vấn Cơ điện xây dựng, Tổng công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi.
Từ 12/2010 đến 31/12/2018	Phó tổng giám đốc, Giám đốc Khối Cơ điện Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó tổng giám đốc Công ty, kiêm Giám đốc Khối Cơ điện.

➤ **Ông Nguyễn Ngọc Hưng - Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty.**

- Ngày sinh: 17/04/1977
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân QTKD chuyên ngành Kế toán kiểm toán, Thạc sĩ Tài chính KT.

Quá trình công tác: (Nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua)

Thời gian	Chức vụ
Từ 07/2000 đến 04/2003	Nhân viên Phòng Kế toán - Xí nghiệp Liên doanh kính Long Giang.
Từ 05/2003 đến 03/2005	Kế toán trưởng - Xí nghiệp liên doanh kính Long Giang.
Từ 04/2005 đến 10/2005	Chuyên viên phòng Tài chính kế toán Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi Hà Nội.
Từ 11/2005 đến 7/2006	Phó phòng Tài chính kế toán Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi Hà Nội.
Từ 8/2006 đến 06/2008	Phó phòng Tài chính kế toán Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng (nay là Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam).
Từ 07/2008 đến 04/2009	Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam.
Từ 05/2009 đến 5/2013	Trưởng Ban kiểm soát, Chủ tịch Công đoàn Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam.
Từ 6/2013 đến 3/2015	Phó Tổng giám đốc, Chủ tịch Công đoàn Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam.
Từ 4/2015 đến 3/2015	Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc, Chủ tịch Công đoàn Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam.
Từ 4/2015 đến 3/2018	Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Chủ tịch Công đoàn Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam.
Từ 3/2018 đến 31/12/2018	Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc, Chủ tịch Công đoàn Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam.

- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc, Chủ tịch Công đoàn Công ty.

➤ Bà Nguyễn Thị Phương Ngọc - Phó Tổng giám đốc Công ty.

- Ngày sinh: 06/01/1982.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Thạc sĩ khoa học ngành Ngân hàng và tiền tệ quốc tế.

Quá trình công tác: (Nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua)

Thời gian	Chức vụ
Từ 3/2007 đến 3/2010	Nhân viên Ngân hàng LD VID Public bank
Từ 02/2011 đến 10/2011	Nhân viên Sàn giao dịch Bất động sản Meco thuộc Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam
Từ 10/2011 đến 11/2013	Tổ trưởng Tổ môi giới giao dịch hàng hóa trực thuộc Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam
Từ 12/2013 đến 8/2014	CBNV Công ty cổ phần Bất động sản Meco
Từ 9/2014 đến 12/2015	Phó giám đốc Sàn giao dịch Bất động sản Meco trực thuộc Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam
Từ 01/2016 đến 31/12/2018	Phó Tổng giám đốc Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc Công ty.

➤ Bà Nghiêm Thị Mai Hoa - Trưởng Ban Kiểm soát.

- Ngày sinh: 28/9/1958
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác: (Nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua)

Thời gian	Chức vụ
Từ 06/1983 - 04/2005	Kế toán, kế toán tổng hợp Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thủy lợi 24 thuộc Tổng công ty Xây dựng Thủy lợi I
Từ 05/2005 - 10/2007	Phó phòng Tài chính KT Công ty CP Đầu tư Xây dựng 24 thuộc Tổng công ty Cơ điện Nông nghiệp và Xây dựng Thủy lợi
Từ 03/2008 - 07/2008	Kế toán trưởng Ban điều hành tổng thầu Công trình Thủy điện Văn Chấn thuộc Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam
Từ 08/2008 đến 3/2015	Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư Thủy điện An Pha
Từ 4/2015 đến 31/12/2018	Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam; Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư Thủy điện An Pha

- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty.

➤ Ông Nguyễn Tiến Hiền - Thành viên Ban Kiểm soát.

- Ngày sinh: 08/10/1980
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác: (Nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua)

Thời gian	Chức vụ
Từ 5/2012 - 6/2005	Kế toán Công ty CP XD và TM KL
Từ 6/2005 - 3/2007	Nhân viên phòng KT, KH –ĐT Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam
Từ 4/2007 - 3/2016	Phó Phòng KT, KH - ĐT Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam
Từ 4/2016 đến 31/12/2018	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát.

➤ Bà Hoàng Thị Kim Anh - Thành viên Ban Kiểm soát.

- Ngày sinh: 12/12/1975
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật, cử nhân kinh tế.

Quá trình công tác: (Nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua)

Thời gian	Chức vụ
Từ 02/1992 đến 01/1999	Nhân viên Nhà máy cơ điện nông nghiệp 5- Hoà Bình
Từ 02/1999 đến 06/2005	Nhân viên Văn phòng Công ty cơ điện và phát triển nông thôn (Công ty cơ điện xây dựng nông nghiệp và thủy lợi Hà Nội)
Từ 07/2005 đến 09/2006	Ủy viên Ban kiểm soát, nhân viên phòng Tổ chức hành chính Công ty cơ điện xây dựng nông nghiệp và thủy lợi Hà Nội (Công ty cổ phần cơ điện và xây dựng Việt Nam)
Từ 10/2006 đến 06/2008	Phó phòng Nhân sự lao động tiền lương, uỷ viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần cơ điện và xây dựng Việt Nam
Từ 07/2008 đến 01/2010	Phó phòng Phụ trách phòng Nhân sự lao động tiền lương Công ty cổ phần cơ điện và xây dựng Việt Nam
Từ 02/2010 đến 06/2010	Phó phòng Phụ trách phòng Nhân sự lao động tiền lương Công ty cổ phần cơ điện và xây dựng Việt Nam, Đảng uỷ viên, Bí thư chi bộ Văn phòng, Phó chủ tịch Công đoàn Công ty
Từ 07/2010 đến 09/2012	Trưởng phòng Nhân sự lao động tiền lương Công ty cổ phần cơ điện và xây dựng Việt Nam, Đảng uỷ viên, Bí thư chi bộ Văn phòng, Phó chủ tịch Công đoàn Công ty
Từ 10/2012 đến 6/2013	Phó phòng Tổng hợp Công ty cổ phần cơ điện và xây dựng Việt Nam, Đảng uỷ viên, Bí thư chi bộ Văn phòng, Phó chủ tịch Công đoàn Công ty
Từ 07/2013 đến 2/2015	Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính Công ty cổ phần cơ điện và xây dựng Việt Nam, Đảng uỷ viên, Bí thư chi bộ văn phòng, Phó chủ tịch Công đoàn Công ty
Từ 03/2015 đến 31/12/2018	Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Thành viên Ban kiểm soát - Công ty cổ phần cơ điện và xây dựng Việt Nam, Phó chủ tịch Công đoàn Công ty

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty.

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành:

1. Miễn nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty đối với ông Nguyễn Ngọc Bình kể từ ngày 02/4/2018.

2. Bổ nhiệm ông Trần Hải Anh - Thạc sĩ Kiến trúc - giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty kể từ ngày 02/4/2018.

3. Miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty đối với ông Nguyễn Ngọc Hưng kể từ ngày 02/4/2018.

4. Bổ nhiệm bà Phạm Thị Chinh Lương - Cử nhân Kinh tế - giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty kể từ ngày 02/4/2018.

5. Miễn nhiệm chức vụ Phó tổng giám đốc Công ty đối với bà Ninh Thị Luân kể từ ngày 02/4/2018.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên, chính sách đối với người lao động:

- Số lao động tại thời điểm 31/12/2018: 53 người.

- Thu nhập bình quân năm 2018: 8.500.000 đ/người/tháng.

TT	PHÂN THEO TRÌNH ĐỘ	SỐ LƯỢNG (Người)
1	Đại học và Trên đại học	31
2	Cao đẳng và Trung cấp	01
3	Công nhân kỹ thuật	21
	TỔNG SỐ	53

* Chính sách đối với người lao động:

- Chế độ làm việc:

+ 8h/ngày, 44h/tuần, thời gian làm việc: sáng từ 8h00 phút đến 12h00 phút, chiều từ 13h00 đến 17h00.

+ Chế độ nghỉ lễ, nghỉ phép, nghỉ việc riêng của người lao động đều được Công ty thực hiện đúng theo Bộ luật lao động và các văn bản hướng dẫn.

+ Trong các trường hợp đặc biệt nhằm đáp ứng đúng tiến độ thi công, tiến độ thi công, tiến độ giao hàng và giữ chữ tín với khách hàng, cán bộ công nhân viên Công ty có thể sẽ được huy động làm thêm giờ nhưng không quá 4h/ngày và không quá 200h/năm.

- Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:

+ Tiền lương:

Hàng tháng ngoài việc hưởng lương theo thang bảng lương Nhà Nước và các khoản phụ cấp chức vụ, trách nhiệm, thu hút, lưu động, độc hại nguy hiểm, phụ cấp khu vực và hệ số không ổn định sản xuất; cán bộ công nhân viên Công ty còn được hưởng thêm một phần

lương mềm gắn với hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty và trên cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành công việc trong tháng của từng cá nhân.

Ngoài ra vào những ngày lễ, tết cán bộ công nhân viên Công ty còn được chi thêm một khoản lương bổ sung.

+ Tiền thưởng: hàng năm Công ty đều tổ chức bình xét mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ công nhân viên Công ty để khen thưởng nhằm khích lệ động viên tinh thần lao động đối với các cá nhân có thành tích xuất sắc, đặc biệt xuất sắc trong việc đóng góp vào sự phát triển của Công ty

+ Bảo hiểm và phúc lợi:

Cán bộ công nhân viên được tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm thân thể, khám sức khoẻ định kỳ.

Hàng năm Công ty đều tổ chức cho cán bộ công nhân viên tham quan nghỉ mát.

Các hoạt động của tổ chức đoàn thanh niên, công đoàn, phụ nữ đều được Công ty quan tâm.

- Chính sách đào tạo:

Với quan điểm “Người lao động là tài sản của Công ty” vì thế Công ty xem việc đào tạo và tái đào tạo là hoạt động đầu tư chứ không phải là gánh nặng chi phí. Nhằm phát huy hiệu quả nguồn nhân lực sẵn có, Công ty luôn khuyến khích, tạo điều kiện để cán bộ công nhân viên nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng về tin học, ngoại ngữ...Hàng năm Công ty đều tổ chức đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân, tổ chức cho cán bộ công nhân viên tham gia các khóa huấn luyện tại chỗ, các khóa huấn luyện bên ngoài nhằm nâng cao kỹ năng, kiến thức mới cần thiết để người lao động phát triển năng lực Công tác, đáp ứng yêu cầu công việc hiện tại và chiến lược phát triển của Công ty trong tương lai.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a. Dự án BDS 102 Trường Chinh (Meco Complex đã hoàn thành từ năm 2014 tiếp tục mang lại nguồn thu cho công ty trong hoạt động cho thuê văn phòng, thương mại, kinh doanh điện. Công ty tiếp tục hoàn thiện các giấy tờ văn bản pháp lý xin chuyển đổi một phần chức năng tòa văn phòng HHIB sang nhà ở để bán.

b. Đang xin đầu tư, điều chỉnh quy hoạch ô đất 3.000m² tại dự án 102 Trường Chinh với chức năng dự kiến là trung tâm đỗ xe, văn hóa thể thao và giáo dục thể chất.

c. Tiếp tục đầu tư: thủy điện Nậm Hóa 1.

d. Tiếp tục thoái vốn tại một số công ty liên kết.

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.822.627	1.665.331	-8,63%
Doanh thu thuần	130.739	106.764	-18,34%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(193.914)	(165.142)	-14,84%
Lợi nhuận khác	1.847	9.213	398,78%
Lợi nhuận trước thuế	(192.067)	(155.929)	-18,82%
Lợi nhuận sau thuế	(207.424)	(155.923)	-24,83%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,16	1,06	
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,69	0,58	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	72,34%	76,04%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	261,56%	317,30%	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho (giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bình quân)	0,27	0,45	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	7,17%	6,41%	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	-158,65%	-146,05%	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-41,15%	-39,07%	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-11,38%	-9,36%	
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-148,32%	-154,68%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần:

- Cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu thường) : 57.510.000 cổ phiếu.

Trong đó:

+ Tổng số cổ phiếu lưu hành : 52.050.000 cổ phiếu

+ Cổ phiếu quỹ : 5.460.000 cổ phiếu phổ thông

- Cổ phiếu ưu đãi: không có.

b. Cơ cấu cổ đông:

* Tỷ lệ sở hữu vốn (tại thời điểm 18/3/2019):

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Tổng vốn đầu tư CSH						
Cổ đông Nhà nước	3.023.000.000	0,53%			3.023.000.000	0,53%
Cổ đông sáng lập						
Cổ đông lớn sở hữu từ 5% trở lên	192.342.570.000	33,45%			192.342.570.000	33,45%
Cổ đông sở hữu từ 1 đến dưới 5%	274.194.220.000	47,68%	20.600.000.000	4,52%	294.794.220.000	52,2%
Cổ đông sở hữu dưới 1 %	53.963.210.000	9,38%	960.610.000	0,17%	54.923.820.000	9,55%
Công đoàn Công ty	800.000.000	0,14%			800.000.000	0,14%
Cổ phiếu quỹ	54.600.000.000	9,49%			54.600.000.000	9,49%

* Tỷ lệ cổ đông sở hữu (tại thời điểm 18/3/2019):

STT	Danh mục	SL Cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (người)	
					Tổ chức	Cá nhân
Tổng số lượng cổ phiếu						
1	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% cp trở lên)	19.234.257	33,45%	4		4
	- Trong nước	19.234.257	33,45%	4		4
	- Nước ngoài					
2	Cổ đông là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (sở hữu < 5%)	199.891	0,35%	33	33	
	- Trong nước	145.740	0,25%	28	28	
	- Nước ngoài	54.151	0,09%	5	5	
3	Cổ đông khác	32.433.443	56,40%	1.548	41	1.507
	- Trong nước	29.737.382	51,71%	1.533	35	1.498
	- Nước ngoài	2.696.061	4,69%	15	6	9
4	Cổ đông Nhà nước	302.300	0,53%	1		
5	Công đoàn Công ty	80,000	0,14%	1		
6	Cổ phiếu quỹ	5,460,000	9,49%	1		

* Tại thời điểm 18/3/2019 và biến động mua bán (của các cổ đông nội bộ và người có liên quan) tính đến thời điểm báo cáo Công ty có các cổ đông lớn: Không.

TT	Cổ đông	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ %	Ghi chú

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 5.460.000 cổ phiếu phổ thông.

e. Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực đầu tư và xây dựng, nguyên liệu vật liệu phục vụ cho quá trình sản xuất thi công các công trình thủy điện và xây dựng dân dụng là thép xây dựng, nhựa đường, cát, đá, xi măng, tôn, các loại vật liệu hoàn thiện và hệ thống cơ điện để phục vụ cho thi công.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: một phần tái chế.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: sử dụng nguồn năng lượng điện và xăng dầu cho công tác sản xuất thi công.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

- Với công trình xây dựng dân dụng: Công ty đã áp dụng các hệ thống điều khiển tòa nhà thông minh và hệ thống xử lý nước thải hiệu quả để giảm thiểu chi phí, tiết kiệm năng lượng.

- Với các công trình thủy lợi: là một công ty với các công trình trọng điểm là về lĩnh vực thủy điện và vận hành các nhà máy thủy điện nên tiêu chí tiết kiệm năng lượng được đặt lên hàng đầu. Công ty đã có các sáng kiến mới trong việc tiết kiệm năng lượng điện, tránh lãng phí và sử dụng có hiệu quả.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo), báo cáo kết quả của các sáng kiến này.

Các công trình thi công của công ty đều đạt kỹ thuật xây dựng chất lượng cao

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Nước sạch Sông Đà

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không tái sử dụng

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không bị xử phạt

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Số lao động tại thời điểm 31/12/2018: 53 người.

- Thu nhập bình quân năm 2018: 8.500.000 đ/người/tháng.

TT	PHÂN THEO TRÌNH ĐỘ	SỐ LƯỢNG (Người)
1	Đại học và Trên đại học	31
2	Cao đẳng và Trung cấp	01
3	Công nhân kỹ thuật	21
	TỔNG SỐ	53

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Chế độ làm việc:

+ 8h/ngày, 44h/tuần, thời gian làm việc: sáng từ 8h00 phút đến 12h00 phút, chiều từ 13h00 đến 17h00.

+ Chế độ nghỉ lễ, nghỉ phép, nghỉ việc riêng của người lao động đều được Công ty thực hiện đúng theo Bộ luật lao động và các văn bản hướng dẫn.

+ Trong các trường hợp đặc biệt nhằm đáp ứng đúng tiến độ thi công, tiến độ thi công, tiến độ giao hàng và giữ chữ tín với khách hàng, cán bộ công nhân viên Công ty có thể sẽ được huy động làm thêm giờ nhưng không quá 4h/ngày và không quá 200h/năm.

- Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:

+ Tiền lương:

Hàng tháng ngoài việc hưởng lương theo thang bảng lương Nhà Nước và các khoản phụ cấp chức vụ, trách nhiệm, thu hút, lưu động, độc hại nguy hiểm, phụ cấp khu vực và hệ số không ổn định sản xuất; cán bộ công nhân viên Công ty còn được hưởng thêm một phần lương mềm gắn với hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty và trên cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành công việc trong tháng của từng cá nhân.

Ngoài ra vào những ngày lễ, tết cán bộ công nhân viên Công ty còn được chi thêm một khoản lương bổ sung.

+ Tiền thưởng: hàng năm Công ty đều tổ chức bình xét mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ công nhân viên Công ty để khen thưởng nhằm khích lệ động viên tinh thần lao động đối với các cá nhân có thành tích xuất sắc, đặc biệt xuất sắc trong việc đóng góp vào sự phát triển của Công ty

+ Bảo hiểm và phúc lợi:

Cán bộ công nhân viên được tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm thân thể, khám sức khỏe định kỳ.

Hàng năm Công ty đều tổ chức cho cán bộ công nhân viên tham quan nghỉ mát

Các hoạt động của tổ chức đoàn thanh niên, công đoàn, phụ nữ đều được Công ty quan tâm.

c. Hoạt động đào tạo người lao động:

Với quan điểm “Người lao động là tài sản của Công ty” vì thế Công ty xem việc đào tạo và tái đào tạo là hoạt động đầu tư chứ không phải là gánh nặng chi phí. Nhằm phát huy hiệu quả nguồn nhân lực sẵn có, Công ty luôn khuyến khích, tạo điều kiện để cán bộ công nhân viên nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng về tin học, ngoại ngữ...Hàng năm Công ty đều tổ chức đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân, tổ chức cho cán bộ công nhân viên tham gia các khóa huấn luyện tại chỗ, các khóa huấn luyện bên ngoài nhằm nâng cao kỹ năng, kiến thức mới cần thiết để người lao động phát triển năng lực Công tác, đáp ứng yêu cầu công việc hiện tại và chiến lược phát triển của Công ty trong tương lai.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc:

1. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

1.1. Các chỉ tiêu kết quả sản xuất kinh doanh đạt được năm 2018

Tổng kết năm 2018 Công ty đã thực hiện được kết quả sản xuất kinh doanh trên các chỉ tiêu sau:

Chỉ tiêu (hợp nhất)	Kế hoạch 2018 (triệu đồng)	Thực hiện 2018 (triệu đồng)	% Hoàn thành kế hoạch
Tổng giá trị SXKD	255.365	104.315,80	40,8
Tổng doanh thu	309.101	106.763,60	34,5
Lợi nhuận sau thuế	4.653	- 155.923	

1.2. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2018, Công ty chưa hoàn thành được các chỉ tiêu đề ra tại Đại hội cổ đông năm 2017, do các nguyên nhân chủ yếu sau:

- Nguyên nhân khách quan:

+ Tình hình thời tiết tại các địa phương có công trình công ty đang triển khai thi công biến đổi phức tạp, ảnh hưởng trực tiếp đến việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra.

+ Địa chất tại công trình có một số thay đổi so với khảo sát thiết kế ban đầu làm gia tăng chi phí và kéo dài thời gian thi công.

+ Chế độ, chính sách tại địa phương liên quan đến hoạt động đầu tư như giải phóng mặt bằng cho các dự án còn gặp nhiều khó khăn phức tạp, đã kéo dài thời gian hoàn thành công trình, ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ hoàn thành dự án và làm tăng chi phí của doanh nghiệp.

+ Ảnh hưởng bởi sự tác động của một số phong tục, tập quán, văn hóa, chính sách tại địa phương nơi có các công trình công ty thi công cũng là nguyên nhân lớn tác động đến việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty đề ra.

+ Ngoài ra, sự bất ổn của môi trường kinh doanh trong nước đặc biệt là sự ảnh hưởng trong lĩnh vực kinh doanh Bất động sản và xây dựng.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Một số công trình dự án (Công ty làm tổng thầu thi công) chưa thu xếp kịp vốn để đẩy nhanh tiến độ như: Công trình thủy điện Suối Choang, Công trình thủy điện Khánh Khê;

+ Kế hoạch tổng thầu thi công xây lắp khu đô thị mới phía Đông Văn Giang có quy mô diện tích (53 ha) không triển khai được.

+ Kế hoạch thi công xây lắp Nhà máy điện Hồng Phong chưa thực hiện được do chính sách của nhà nước thay đổi.

+ Doanh thu kinh doanh bất động sản không hoàn thành kế hoạch là do công ty chưa thực hiện xong thủ tục pháp lý chuyển đổi một phần chức năng tòa văn phòng HH1B sang nhà ở để bán.

+ Công tác phân tích lập kế hoạch, cân đối nguồn vốn phục vụ các dự án còn chưa đáp ứng tiến độ thực hiện các dự án, công trình.

2. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài sản:

Cơ cấu tài sản	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	51,76%	40,67%	
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	48,24%	59,33%	

Tại thời điểm 31/12/2018, Tổng tài sản được ghi nhận là 1,665,331 triệu đồng, giảm 8.63 % so với cùng kỳ năm trước. Tỷ suất sinh lời trên Tổng tài sản giảm 9.36 %. Các khoản phải thu khách hàng giảm từ 418 tỷ xuống 398 tỷ đồng.

Số dư trích lập dự phòng phải thu khó đòi tại thời điểm 31/12/2018 là 281,812 triệu đồng chiếm 70.79 % số dư phải thu khách hàng.

b) Tình hình nợ phải trả:

Cơ cấu vốn	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	72,34%	76,04%	
Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	27,66%	23,96%	

Tại thời điểm 31/12/2018 tổng các khoản vay phải trả lãi giảm từ 590,108 triệu đồng xuống 435,875 triệu đồng. Trong đó vay ngắn hạn giảm 136,810 triệu đồng, vay dài hạn giảm 17,423 triệu đồng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Công ty đã mạnh dạn trong tiến hành giải thể và sáp nhập các đơn vị và chi nhánh hoạt động không có hiệu quả;
- Cơ cấu, định biên lại các phòng ban chức năng đảm bảo phù hợp với quy mô sản xuất và phương thức quản lý theo mô hình mới;
- Kiện toàn, sắp xếp lại các Ban chủ huy và đội sản xuất nhằm đảm bảo quy mô sản xuất thực tế tại các công trường;

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Căn cứ vào khả năng, năng lực SXKD của công ty và các hợp đồng đã ký với đối tác, HĐQT và BĐH Công ty xây dựng kế hoạch SXKD cho năm tài chính 2019 (niên độ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến hết 31/12/2019) như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Hợp nhất		
		Thực hiện	Kế hoạch	Tỷ lệ
		2018	2019	(%)
	A	1	2	3= 2/1
1	SẢN LƯỢNG	104.315,00	276.934,00	265,5
-	Xây dựng và Sx Công nghiệp	48.765,00	217.508,00	446,0
-	Thương mại và dịch vụ	27.480,00	26.759,00	97,4
-	Kinh doanh điện	28.071,00	32.667,00	116,4
2	DOANH THU	106.764,00	375.118,00	351,4
-	Xây dựng và Sx Công nghiệp	18.555,00	248.152,00	1337,4
-	Thương mại và dịch vụ	60.138,00	94.299,00	156,8
-	Kinh doanh điện	28.071,00	32.667,00	116,4
3	LỢI NHUẬN SAU THUẾ	- 155.923,00	11,00	

Để thực hiện thành công kế hoạch nêu trên, HĐQT và BDH Công ty đề ra các giải pháp cần thiết để hoàn thành các mục tiêu kế hoạch 2019, cụ thể sau:

4.1. Nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty:

- a. Tập trung chỉ đạo và điều hành thi công xây lắp Dự án thủy điện Nậm Hóa 1, hoàn thành năm 2019.
- b. Đẩy mạnh công tác xây lắp hai dự án thủy điện Suối Choang và dự án thủy điện Khánh Khê, dự kiến hoàn thành và phát điện thương mại trong năm 2019.
- c. Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh thời gian hoàn thiện thủ tục pháp lý chuyển đổi một phần chức năng khối văn phòng thành nhà ở để bán.
- d. Tập trung chỉ đạo sát sao công tác thu hồi vốn tại các công trình: Sông Tranh 2, Bình Điền...
- e. Rà soát lại các thiết bị và có phương án quản lý tài sản, máy móc thiết bị bằng các biện pháp cho thuê, thanh lý tài sản sử dụng kém hiệu quả, nâng cao năng lực sử dụng tài sản của Công ty.
- f. Tăng cường công tác lập và điều hành kế hoạch, quản lý vật tư tại các công trình nhằm tiết kiệm tối đa chi phí vật tư và chủ động trong các công tác khác.
- g. Xây dựng kế hoạch SXKD gắn với kế hoạch đầu tư trên cơ sở cân đối các nguồn lực và nhu cầu thị trường, mục tiêu và định hướng phát triển của Công ty trong các năm tiếp theo đảm bảo Công ty phát triển bền vững.

h. Đẩy mạnh hoạt động tự chủ sản xuất kinh doanh của các đơn vị thành viên như Công ty Cổ phần Đầu tư thủy điện Anpha, Công ty CP Bất động sản Meco... tập trung nguồn lực, ứng phó linh hoạt với những biến động của môi trường kinh doanh.

i. Tiếp tục đôn đốc các cá nhân thực hiện trách nhiệm của mình trong quá trình thu hồi công nợ và khắc phục hậu quả.

j. Quản lý chặt chẽ các hợp đồng thương mại, lựa chọn các đối tác có năng lực, uy tín để ký kết các hợp đồng theo nguyên tắc đảm bảo an toàn và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tránh trường hợp bị chiếm dụng vốn.

k. Lựa chọn liên doanh liên kết với các đơn vị, đối tác uy tín và năng lực, tìm kiếm các công việc mới trên nguyên tắc: Phù hợp và phát huy năng lực nội tại của Công ty; Đảm bảo an toàn nguồn vốn; Tạo tiền đề phát triển bền vững cho Công ty.

4.2. Hoàn thiện hệ thống quản lý và nhân sự Công ty:

a. Tiếp tục xây dựng văn hóa và giữ vững thương hiệu Meco.

b. Hoàn thiện quy chế tài chính, quy chế khoán quản, quy chế lương thưởng.

c. Xây dựng và ban hành các chính sách thích hợp để thu hút và duy trì nhân sự có đủ năng lực để thực hiện chiến lược và mục tiêu của công ty.

d. Sáp nhập và giải thể một số đơn vị hoạt động không có hiệu quả.

e. Bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, cơ cấu lại thành viên Ban điều hành.

4.3. Công tác quản trị:

a. Quản trị Nhân sự:

+ Theo hướng tinh gọn, hiệu quả, phân công quản lý phụ trách theo lĩnh vực, ngành, khối nhằm đánh giá chính xác năng lực và hiệu quả thực hiện công việc.

+ Hoàn thiện chính sách đãi ngộ để duy trì và thu hút nhân tài để đảm bảo phát huy hiệu quả của nguồn nhân lực đáp ứng chiến lược sản xuất kinh doanh của công ty.

b. Quản trị tài chính:

+ Xây dựng kế hoạch tài chính gắn liền với công tác quản trị chi phí, quản trị rủi ro của từng dự án.

+ Tổ chức huy động nguồn vốn đảm bảo cho kế hoạch sản xuất kinh doanh mà đại hội cổ đông đã thông qua bằng nhiều kênh khác nhau để giảm thiểu tối đa chi phí vốn.

c. Quản trị tài sản:

+ Xây dựng kế hoạch sử dụng tài sản phù hợp với chiến lược sản xuất kinh doanh.

+ Kiên quyết xử lý các tài sản khai thác không hiệu quả (thanh lý các thiết bị dư thừa, hư hỏng, hiệu quả khai thác thấp...)

+ Tổ chức đánh giá định kỳ tình trạng các tài sản để có giải pháp phù hợp với từng giai đoạn.

d. Quản trị kế hoạch sản xuất: Bám sát chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm đã được ĐHCĐ phê duyệt, xây dựng kế hoạch sản xuất ngắn hạn từng tháng, từng quý để phát hiện và điều chỉnh kịp thời những vướng mắc.

e. Quản trị đầu tư: Đánh giá cụ thể lợi ích của từng dự án đầu tư trong từng giai đoạn; xác định những chi phí cơ hội và những rủi ro tiềm tàng có thể xảy ra đối với từng dự án để có quyết định đầu tư hiệu quả.

5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Chúng tôi đã tích cực gửi xác nhận đối chiếu công nợ đến các khách hàng, nhà cung cấp cũng như cung cấp các thông tin để cho phía Công ty kiểm toán gửi thư xác nhận độc lập của Công ty kiểm toán đến các đối tác của Công ty. Tuy nhiên do hạn chế về thời gian nên tại thời điểm ký báo cáo kiểm toán một số Công ty đối tác chưa kịp gửi lại đầy đủ thư xác nhận công nợ.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:

Công ty đã thực hiện tốt những quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đảm bảo nguyên tắc của công ty là sản xuất hài hòa với môi trường và xã hội cụ thể:

- Với các công trình xây dựng dân dụng: Đầu tư nâng cao thiết bị xử lý nước thải để đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định trước khi thải ra môi trường, vận dụng nhiều biện pháp để thu gom phân loại và xử lý đối với khối lượng rác thải của khối dân cư. Tuyên truyền và nâng cao ý thức của người dân trong việc bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm nguồn năng lượng điện và nước, đổ rác đúng nơi quy định.

- Tại các công trình xây dựng của công ty: xây dựng ý thức tiết kiệm điện nước, tránh lãng phí trong thi công, rác thải thi công phải đảm bảo các quy định về thu gom phân loại và xử lý.

V. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

1.1 *Kết quả kinh doanh năm tài chính 2018* (niên độ kế toán từ 01/01/2018 đến 31/12/2018) như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	296,849	106,764
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	4,653	- 155,923

1.2. *Đánh giá nguyên nhân không đạt kế hoạch đề ra:*

- Nguyên nhân khách quan:

- + Tình hình thời tiết biến đổi tại các địa phương có Công trình đang triển khai.
- + Địa chất tại công trình có một số thay đổi so với khảo sát thiết kế ban đầu.
- + Ảnh hưởng bởi sự tác động của một số tập tục, chính sách tại địa phương thực hiện dự án.
- + Do các biến động bất ổn của môi trường kinh doanh trong nước đặc biệt là sự ảnh hưởng trong lĩnh vực kinh doanh Bất động sản và xây dựng.

- Nguyên nhân chủ quan:

- + Một số công trình dự án (Công ty làm tổng thầu thi công, nhà thầu thi công) chưa thu xếp kịp vốn để đẩy nhanh tiến độ như: Công trình hồ chứa nước Bản Mòng, Công trình thủy điện Suối Choang, Công trình thủy điện Khánh Khê.

- + Kế hoạch thi công xây lắp (tổng thầu thi công) khu đô thị mới phía Đông Văn Giang có quy mô diện tích (53 ha) không triển khai được.
- + Kế hoạch thi công xây lắp Nhà máy điện Hồng Phong chưa thực hiện được do chính sách của nhà nước thay đổi.
- + Chưa ghi nhận được doanh thu các căn hộ tại tháp HH1B do chưa hoàn thành xong thủ tục.
- + Công tác phân tích lập kế hoạch, cân đối nguồn vốn phục vụ các dự án còn chưa đáp ứng tiến độ thực hiện các dự án, công trình.
- + Chi phí sản xuất kinh doanh chưa được tiết giảm đáng kể, đặc biệt là chi phí tài chính do công tác chưa đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ; hiệu suất sử dụng máy móc, thiết bị còn thấp.
- + Lợi nhuận sau thuế giảm (-155.923 tỷ đồng) chủ yếu là do điều chỉnh phải trích lập dự phòng các khoản phải thu quá hạn theo hợp đồng, chưa thu được là 94,044 tỷ đồng và trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là 63,224 tỷ đồng.

1.3. Công tác quản trị Doanh nghiệp

Hội đồng quản trị đã đẩy mạnh công tác giám sát các hoạt động của Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động hiệu quả, tuân thủ luật pháp, thực hiện đúng Nghị quyết đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của HĐQT:

- Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã thực hiện các chức năng, nhiệm vụ quy định, tổ chức các phiên họp định kỳ và ban hành các Nghị quyết, Quyết định kịp thời trên cơ sở bám sát tình hình thực tế của Công ty và triển khai thực hiện đầy đủ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông nhằm phát triển đúng định hướng và phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.
- Thực hiện nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông Hội đồng quản trị đã bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành Công ty từ tháng 4/2018 .
- + Chỉ đạo Ban điều hành rà soát, đánh giá lại nguồn nhân lực của Công ty, thực hiện sáp nhập, định biên lại các phòng, ban, đơn vị trực thuộc.
- + Chỉ đạo Ban điều hành xây dựng ban hành quy chế trả lương phù hợp nhằm thu hút và duy trì nguồn nhân lực .
- + Các thành viên HĐQT thường trực thường xuyên tham gia các buổi họp giao ban của Công ty, đi kiểm tra thực tế tại các công trường để đưa ra ý kiến chỉ đạo kịp thời đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tổ chức các cuộc họp HĐQT mở rộng để thường xuyên kiểm tra tình hình, đôn đốc Công ty thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, phối hợp với Ban điều hành kịp thời có các biện pháp phù hợp điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh, chấn chỉnh, bổ sung, hoàn thiện các mặt quản lý trong công tác quản trị doanh nghiệp

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc Công ty:

- Ban Tổng giám đốc và Ban điều hành đã chủ động và nỗ lực, đề cao tinh thần trách nhiệm để vượt qua khó khăn nhằm cố gắng thực hiện các nhiệm vụ và chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ thường niên đã thông qua.

- Tổng giám đốc và ban điều hành đã có nhiều cố gắng để hoàn thành nhiệm vụ bằng việc đã có những giải pháp điều hành linh hoạt, kịp thời, phù hợp với chủ trương, định hướng của Hội đồng quản trị; các chủ trương chỉ đạo của Hội đồng quản trị đưa ra đều được Tổng giám đốc và Ban điều hành triển khai đầy đủ kịp thời.
- Trong năm 2018, Tổng giám đốc và Ban điều hành đã chủ động trong công tác tái cấu trúc mô hình, đổi mới, sắp xếp nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ chủ chốt của công ty, thực hiện tốt các chính sách tiền lương, cải thiện điều kiện làm việc, chế độ phúc lợi cho người lao động, định kỳ thường xuyên đánh giá chất lượng hoàn thành công việc của từng cá nhân tăng năng suất lao động, tiết giảm chi phí.
- Tổng giám đốc và Ban điều hành trong quá trình điều hành luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao cố gắng tìm kiếm mở rộng thị trường, tìm kiếm và phát triển thêm các dự án.
- Hình thức giám sát: Hội đồng quản trị dự họp với Bộ máy điều hành của Công ty để kiểm điểm kết quả thực hiện SXKD hàng quý. Giám sát thông qua việc kiểm tra, kiểm soát của Ban kiểm soát nội bộ Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Năm 2019 định hướng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam là tiếp tục duy trì sự ổn định và phát triển bền vững, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Bổ sung thành viên Hội đồng quản trị độc lập nhằm tăng cường năng lực quản lý cho HĐQT và đảm bảo tính minh bạch trong hoạt động của Công ty.
- HĐQT công ty sẽ chỉ đạo Ban Tổng giám đốc công ty thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019, trong đó tập trung vào các nhiệm vụ chủ yếu sau:
 1. Tiếp tục nghiên cứu và thực hiện đầu tư vào các công trình năng lượng tạo ra sự phát triển bền vững cho Công ty.
 2. Phân tích đánh giá để quyết định hợp tác đầu tư phát triển thêm một số dự án thủy điện.
 3. Tìm kiếm cơ hội đầu tư trong lĩnh vực Bất động sản.
 4. Mở rộng lĩnh vực hoạt động kinh doanh: Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ.
 5. Lựa chọn một số dự án để thoái vốn nhằm đảm bảo nguồn tài chính phục vụ cho các dự án thủy điện có kế hoạch phát điện trong năm 2019.
 6. Lựa chọn thời điểm để quyết định thay đổi tỷ lệ sở hữu, thoái vốn tại một số Công ty con, Công ty liên kết.
 7. Tập trung đẩy mạnh hoạt động kiểm soát và có các giải pháp hỗ trợ phát triển đối với các công ty con nhằm bảo đảm hiệu quả trong hoạt động của mỗi đơn vị.
 8. Tập trung mọi nguồn lực đảm bảo hoàn thành mục tiêu tiến độ, chất lượng thi công tại các công trình Công ty đầu tư và tham gia thi công.

9. Tiếp tục cải thiện, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tính chuyên nghiệp và kỷ luật lao động của cán bộ, công nhân, nâng cao năng suất lao động để gia tăng năng lực cạnh tranh và uy tín của MECO. Bổ sung tuyển dụng mới và tăng cường đào tạo trình độ nghiệp vụ của bộ phận quản lý trong các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật, tài chính kế toán, quản trị dự án xây lắp.
 10. Nghiên cứu thị trường đẩy mạnh hoạt động tiếp thị đấu thầu để hoàn thành kế hoạch 2019 và kế hoạch dài hạn đến 2020.
 11. Đảm bảo an toàn tài chính của đơn vị, cân đối tiền vốn cho sản xuất kinh doanh và tiền vốn cho đầu tư thiết bị thi công;
 12. Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, kiểm soát chi phí, tiết giảm chi phí nhằm nâng cao hiệu quả trong SXKD.
- Đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ, đối với các doanh nghiệp đối tác tiếp tục chây ỳ sẽ tiến hành khởi kiện.

V. Quản trị Công ty.

1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị Công ty năm 2018 gồm 04 người:

1. Ông Nguyễn Ngọc Bình - Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc.
2. Ông Trần Hải Anh - Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc.
3. Ông Nguyễn Văn Huyền - Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc.
4. Ông Nguyễn Ngọc Hưng - Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc.

➤ Tỷ lệ sở hữu cổ phần/ vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/ vốn góp của thành viên HĐQT:

Vốn điều lệ đầu kỳ, ngày 20/3/2018: 57.510.000.000 đồng

Vốn điều lệ cuối kỳ, ngày 18/3/2019: 57.510.000.000 đồng

STT	Họ tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần đầu kỳ	Thay đổi tỷ lệ nắm giữ
			(ngày 20/3/2018)	(tính đến ngày 18/3/2019)
1	Nguyễn Ngọc Bình	Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc	8.998.880 cổ phần (15,65% vốn điều lệ)	8.998.880 cổ phần (15,65% vốn điều lệ)
2	Nguyễn Văn Huyền	TV HĐQT, Phó TGD	26.400 cổ phần (0,05 % vốn điều lệ)	26.400 cổ phần (0,05 % vốn điều lệ)
3	Nguyễn Ngọc Hưng	TV HĐQT, Phó TGD, KTT	18.000 cổ phần (0,031% vốn điều lệ)	18.000 cổ phần (0,031% vốn điều lệ)
4	Trần Hải Anh	TV HĐQT, Phó TGD	5.600 cổ phần (0,01% vốn điều lệ)	5.600 cổ phần (0,01% vốn điều lệ)

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c. Hoạt động của các Thành viên HĐQT:

Năm 2018, các thành viên HĐQT tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ đã phân công đối với từng thành viên theo một số lĩnh vực như sau:

- * Ông Nguyễn Ngọc Bình - Chủ tịch HĐQT - Thành viên độc lập điều hành
 - Phụ trách chung các công việc thuộc quyền và nhiệm vụ của HĐQT;
 - Phụ trách lĩnh vực tài chính; cơ điện.
 - Trực tiếp phụ trách đầu tư và kinh doanh Dự án 102 Trường Chinh;
 - Phụ trách đối nội, đối ngoại.
- * Ông Trần Hải Anh - Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc.
 - Điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - Phụ trách lĩnh vực kỹ thuật thi công các công trình xây dựng dân dụng.
 - Phụ trách kế hoạch sản xuất kinh doanh, hành chính, tổ chức, nhân sự;
- * Ông Nguyễn Ngọc Hưng - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc.
 - Phụ trách quan hệ công chúng và quan hệ cổ đông.
 - Phụ trách việc phát hành chứng khoán và thu xếp vốn;
 - Đầu tư tài chính, mua bán và sáp nhập doanh nghiệp.
- * Ông Nguyễn Văn Huyền - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc.
 - Phụ trách lĩnh vực xây lắp;
 - Phụ trách đầu tư xây dựng thủy lợi, thủy điện, các dự án năng lượng; quản lý, vận hành, kinh doanh điện.

Các thành viên HĐQT độc lập không điều hành tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT, quyết nghị các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, xây dựng chiến lược phát triển và thực hiện giám sát hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc, giám sát việc sử dụng vốn và tài sản của Công ty, việc bổ nhiệm các vị trí quản lý cấp cao ...

Các cuộc họp của HĐQT:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Ngọc Bình	Chủ tịch HĐQT	5	5/5	
2	Ông Nguyễn Văn Huyền	Thành viên HĐQT	5	5/5	
3	Ông Nguyễn Ngọc Hưng	Thành viên HĐQT	5	5/5	
4	Ông Trần Hải Anh	Thành viên HĐQT	5	5/5	

Kết quả các cuộc họp:

TT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2018/NQ-HDQT	26/02/2018	Nghị quyết thông qua việc chốt danh sách để thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.
2	02/2018/NQ-HDQT	02/4/2018	Nghị quyết thông qua các nội dung: Miễn nhiệm chức vụ Tổng giám đốc đối với ông Nguyễn Ngọc Bình; Bổ nhiệm ông Trần Hải Anh giữ chức vụ Tổng giám đốc kể từ 02/4/2018
3	03/2018/NQ-HDQT	19/4/2018	Nghị quyết thông qua việc thực hiện vay vốn và ký kết hợp đồng vay vốn để thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty
4	04/2018/NQ-HDQT	01/6/2018	Nghị quyết thông qua một số nội dung mở rộng lĩnh vực hoạt động kinh doanh: Nghiên cứu và phát triển thực hiện khoa học tự nhiên và kỹ thuật
5	05/2018/NQ-HDQT	29/8/2018	Nghị quyết chỉ định Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A & C thực hiện cung cấp dịch vụ soát xét BCTC năm 2018
6	07/2018/NQ-HDQT	21/12/2018	Nghị quyết chấp thuận thông qua nội dung Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của CTCP Cơ điện và Xây dựng Hòa Bình

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không.

e. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty: Không.

2. Ban Kiểm soát:

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Ban Kiểm soát năm 2018 có 3 thành viên đều là thành viên độc lập không điều hành, bao gồm:

1. Ông Nghiêm Thị Mai Hoa - Trưởng ban kiểm soát - thành viên độc lập không điều hành.
2. Ông Nguyễn Tiến Hiền - thành viên BKS - thành viên độc lập không điều hành.
3. Bà Hoàng Thị Kim Anh - thành viên BKS - thành viên độc lập không điều hành.

➤ Tỷ lệ sở hữu cổ phần/ vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/ vốn góp của thành viên Ban Kiểm soát:

Vốn điều lệ đầu kỳ, ngày 20/3/2018: 57.510.000.000 đồng

Vốn điều lệ cuối kỳ, ngày 18/3/2019: 57.510.000.000 đồng

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1	Nghiêm Thị Mai Hoa	Trưởng BKS	3.700	0,006	3.700	0,006	
2	Nguyễn Tiến Hiền	TV BKS	0	0	0	0	
3	Hoàng Thị Kim Anh	TV BKS	17.640	0,031%	17.640	0,031%	

b. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Xem xét, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, ban Tổng giám đốc và hệ thống quản lý của Công ty trong suốt niên độ liên quan đến việc thực hiện kế hoạch của Công ty năm 2018, đã được Đại hội cổ đông thông qua.

Thực hiện giám sát và phối hợp với Ban Tổng giám đốc tổ chức kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của đơn vị thành viên trong Công ty. Trực tiếp làm việc với Ban lãnh đạo trong Công ty nhằm phát hiện những rủi ro; thiếu sót để kiến nghị những giải pháp phù hợp đối với Ban lãnh đạo, ban điều hành Công ty và các đơn vị;

Theo dõi, kiểm tra việc xây dựng quy chế, quy định của Công ty và việc thực hiện các quy chế, quy định đã ban hành;

Xem xét việc thực hiện quy trình, trình tự, thủ tục hồ sơ các Dự án đầu tư của Công ty;

Năm 2018 lựa chọn công ty kiểm toán là Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam theo đúng nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Tuy nhiên, do hai bên không thống nhất được thời gian và nhân sự để thực hiện việc soát xét Báo cáo tài chính bán niên kết thúc tại ngày 30/6/2018 nên Công ty đã ký hợp đồng kiểm toán với Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C tại Hà Nội vào ngày 05/9/2018.

Thẩm định Báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh (quý, 6 tháng và một năm) của Công ty, xem xét các chỉ số, tỷ trọng.

Tham gia rà soát kiểm tra một số công trình công ty đang triển khai thi công như : Nậm Hóa 1, Khánh Khê, Suối Choang, ...

Tham gia quyết toán năm các công trình, đơn vị phụ thuộc trong công ty cùng ban điều hành và các phòng ban trong công ty.

Tham gia tất cả các cuộc họp và giao ban của ban điều hành và HĐQT.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát:

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

➤ Thù lao, các khoản lợi ích khác và các chi phí cho thành viên HĐQT/thành viên Ban kiểm soát:

TT	Chi tiết	Số người	Thu nhập trung bình tháng	Tổng cộng
I	Hội đồng quản trị			
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	1	41.075.000	492.897.275
2	Thành viên HĐQT không chuyên trách	3	4.740.000	170.640.000
	Cộng I			663.537.275
II	Ban Kiểm soát			
1	Trưởng Ban kiểm soát không chuyên trách	1	2.370.000	28.440.000
2	Thành viên BKS không chuyên trách	2	1.422.000	34.120.000
	Cộng II			62.568.000
	Cộng I+II			726.105.275

➤ Tiền lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và các chi phí cho thành viên Ban Tổng giám đốc:

STT	Chi tiết	Số người	Thu nhập trung bình tháng (đồng)	Tổng cộng
1	Lương Tổng Giám đốc bình quân	1	28.000.000	336.053.681
2	Lương Phó Tổng giám đốc bình quân	4	23.150.650	740.820.790

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

- *Giao dịch cổ phiếu của Thành viên HĐQT (từ 20/3/2018 đến thời điểm 18/3/2019): Không.*

Tổng số cổ phiếu để tính tỷ lệ sở hữu đầu kỳ: 57.510.000 cổ phiếu
 Tổng số cổ phiếu để tính tỷ lệ sở hữu cuối kỳ: 57.510.000 cổ phiếu

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	

Giao dịch cổ phiếu của Thành viên BKS (từ 20/3/2018 đến thời điểm 18/3/2019): Không.

Tổng số cổ phiếu để tính tỷ lệ sở hữu đầu kỳ: 57.510.000 cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu để tính tỷ lệ sở hữu cuối kỳ: 57.510.000 cổ phiếu

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	

Giao dịch cổ phiếu của người có liên quan của cổ đông nội bộ khác (từ 20/3/2018 đến thời điểm 18/3/2019): Không.

Tổng số cổ phiếu để tính tỷ lệ sở hữu đầu kỳ: 57.510.000 cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu để tính tỷ lệ sở hữu cuối kỳ: 57.510.000 cổ phiếu

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không.

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty luôn chấp hành các quy định về quản trị Công ty theo quy định của Nhà nước.

VI. Báo cáo tài chính.

1. Ý kiến kiểm toán: Có tài liệu đính kèm.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

2.1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		677.226.668.132	943.475.714.062
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	6.741.307.327	11.472.597.704
Tiền	111		6.741.307.327	11.472.597.704
Các khoản tương đương tiền	112		0	0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.265.017.600	318.432.000
Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	342.250.000	342.250.000

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	-77.232.400	-23.818.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2d	10.000.000.000	0
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		350.879.028.851	548.608.868.780
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	398.082.927.951	418.319.489.682
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	64.259.629.494	83.706.260.529
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	197.115.268.466	261.117.177.727
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	-308.842.803.123	-214.798.065.220
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		264.006.062	264.006.062
Hàng tồn kho	140	V.7	307.423.486.674	379.563.885.975
Hàng tồn kho	141		394.117.161.165	453.461.359.044
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-86.693.674.491	-73.897.473.069
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.917.827.680	3.511.929.603
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	57.616.409	69.462.732
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.860.211.271	3.442.466.871
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		0	0
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		988.104.550.241	879.151.404.879
Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0
Phải thu dài hạn khác	216		0	0
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		0	0
Tài sản cố định	220		500.346.333.067	523.408.316.482
Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	500.346.333.067	523.408.316.482
Nguyên giá	222		634.209.271.532	640.710.805.222
Giá trị hao mòn lũy kế	223		-133.862.938.465	-117.302.488.740
Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên giá	225		0	0
Giá trị hao mòn lũy kế	226		0	0
Tài sản cố định vô hình	227		0	0
Nguyên giá	228		0	0
Giá trị hao mòn lũy kế	229		0	0
Bất động sản đầu tư	230		0	0
Nguyên giá	231		0	0
Giá trị hao mòn lũy kế	232		0	0
Tài sản dở dang dài hạn	240		458.409.037.544	326.479.162.921
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		0	0
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	458.409.037.544	326.479.162.921
Đầu tư tài chính dài hạn	250		29.195.062.944	29.149.827.436
Đầu tư vào công ty con	251		0	0
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	27.395.062.944	27.349.827.436
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	5.400.000.000	5.400.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	-3.600.000.000	-3.600.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
Tài sản dài hạn khác	260		154.116.686	114.098.040
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	73.074.440	106.108.622
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		81.042.246	7.989.418
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	0
Tài sản dài hạn khác	268		0	0
Lợi thế thương mại	269		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.665.331.218.373	1.822.627.118.941
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.266.258.980.295	1.318.524.267.100
Nợ ngắn hạn	310		637.964.657.213	814.381.911.023
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	230.368.664.000	217.536.497.479
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	73.921.029.099	47.216.662.775
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	31.298.301.493	43.050.678.853
Phải trả người lao động	314		1.733.311.214	2.910.028.086
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14a	139.503.327.150	165.097.499.334
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0	0
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15a	0	2.590.909.091

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	115.786.725.724	153.031.759.613
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	35.922.643.000	172.732.382.259
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		0	0
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	9.430.655.533	10.215.493.533
Quỹ bình ổn giá	323		0	0
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		0	0
Nợ dài hạn	330		628.294.323.082	504.142.356.077
Phải trả người bán dài hạn	331		0	0
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0
Chi phí phải trả dài hạn	333	V.14b	0	73.425.044.177
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		0	0
Phải trả nội bộ dài hạn	335		0	0
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.15b	11.681.086.486	11.681.086.486
Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	216.010.625.000	1.010.625.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	399.952.611.596	417.375.600.414
Trái phiếu chuyển đổi	339	V.18	650.000.000	650.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	340		0	0
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		0	0
Dự phòng phải trả dài hạn	342		0	0
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		0	0
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		399.072.238.078	504.102.851.841
Vốn chủ sở hữu	410	V.20	399.072.238.078	504.092.543.903
Vốn góp của chủ sở hữu	411		575.100.000.000	575.100.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		575.100.000.000	575.100.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	0
Thặng dư vốn cổ phần	412		32.960.749.348	32.960.749.348
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		0	0
Vốn khác của chủ sở hữu	414		0	0
Cổ phiếu quỹ	415		-73.426.398.513	-73.426.398.513
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
Quỹ đầu tư phát triển	418		28.817.258.755	28.817.258.755
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		0	0

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	0
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-328.087.683.256	-173.880.302.493
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-173.984.186.484	-173.880.302.493
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-154.103.496.772	0
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		0	0
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		163.708.311.743	114.521.236.806
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	10.307.938
Nguồn kinh phí	431		0	0
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		0	10.307.938
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.665.331.218.373	1.822.627.118.941

(Nguồn: Trích BCTC hợp nhất năm 2018)

2.2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	106.763.668.658	130.739.312.866
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		106.763.668.658	130.739.312.866
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	153.079.497.186	105.465.109.962
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		-46.315.828.528	25.274.202.904
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.216.690.261	3.453.064.736
Chi phí tài chính	22	VI.4	21.098.940.484	17.817.042.778
Trong đó: chi phí lãi vay	23		19.686.747.678	20.400.425.120
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2b	45.235.508	3.512.920.623
Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.550.150	18.782.050
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	100.987.957.965	208.318.788.437
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		-165.142.351.358	-193.914.425.002
Thu nhập khác	31	VI.7	9.514.169.836	8.116.161.874
Chi phí khác	32	VI.8	301.051.785	6.269.021.155
Lợi nhuận khác	40		9.213.118.051	1.847.140.719

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		-155.929.233.307	-192.067.284.283
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		66.905.346	15.335.431.630
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	-73.052.828	20.943.164
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		-155.923.085.825	-207.423.659.077
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		-154.103.496.772	-207.998.709.844
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-1.819.589.053	575.050.767
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	-2.961	-3.996
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	-2.961	-3.996

(Nguồn: Trích BCTC hợp nhất năm 2018)

2.3. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		-155.929.233.307	-192.067.284.283
Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9	22.928.253.760	24.411.233.490
Các khoản dự phòng	03		106.894.353.725	177.519.788.410
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại				
các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		283.311.447	379.073.398
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-3.252.762.000	19.130.726.625
Chi phí lãi vay	06	VI.6	19.686.747.678	20.400.425.120
Các khoản điều chỉnh khác	07		0	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				
trước thay đổi vốn lưu động	08		-9.389.328.697	49.773.962.760
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		105.267.357.626	-91.115.509.094
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		59.344.197.879	12.013.052.919
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		158.923.383.875	45.988.059.267

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		44.880.505	398.687.536
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		0	0
Tiền lãi vay đã trả	14		-77.407.890.164	-25.336.874.207
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	-192.471.449	-1.243.247.313
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		0	0
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	-784.838.000	-571.850.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		235.805.291.575	-10.093.718.132
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-121.794.378.747	-122.464.130.386
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		363.636.369	726.818.182
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2d	-10.000.000.000	
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	-19.064.078
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	34.741.634.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.199.323.333	4.900
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-128.231.419.045	-87.014.737.382
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.20	50.902.780.000	0
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	
Tiền thu từ đi vay	33	V.17	186.933.013.853	148.107.901.821
Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	-350.140.313.288	-51.769.522.500
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		0	

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-112.304.519.435	96.338.379.321
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		-4.730.646.905	-770.076.193
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	11.472.597.704	12.240.784.017
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-643.472	1.889.880
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	6.741.307.327	11.472.597.704

(Nguồn: Trích BCTC hợp nhất năm 2018)

2.4. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018: Có tài liệu đính kèm.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- SGDCK TP.HCM;
- HĐQT; Ban TGD;
- Lưu: VT, PTH.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CÔNG TY
CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN NGỌC BÌNH





A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

www.a-c.com.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
MƯỜI NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN
VIỆT ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NA

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	14 - 46



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty” hoặc “Công ty mẹ”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và các Công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”)

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam tiền thân là Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi Hà Nội, là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi, được thành lập theo Quyết định số 4797/QĐ/BNN-TCCB ngày 29 tháng 10 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng theo Quyết định số 4465/QĐ/BNN-TCCB ngày 09 tháng 12 năm 2004 Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103009916 ngày 30 tháng 11 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 12 lần được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi thông tin doanh nghiệp, trong đó đăng ký thay đổi lần thứ 12 về việc thay đổi vốn điều lệ của Công ty.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Ngõ 102 đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 0243 8.693.434
- Fax : 0243 8.691.568

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Tuyên Quang	Xã Hưng Thành, thị xã Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang
Chi nhánh Thanh Hóa	Ngã Ba Chè, xã Thiệu Đô, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Chi nhánh Miền Trung	Xã Hương Vân, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế
Chi nhánh Hồ Chí Minh	Số 1, Ngõ Bệ, Phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty:

- Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông thủy lợi;
- Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp đến 35KV;
- Thuê và cho thuê các máy móc, thiết bị ngành xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Chủ tịch	Ngày 14 tháng 3 năm 2015
Ông Trần Hải Anh	Thành viên	Ngày 14 tháng 3 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Huyền	Thành viên	Ngày 14 tháng 3 năm 2015
Ông Nguyễn Ngọc Hưng	Thành viên	Ngày 14 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nghiêm Thị Mai Hoa	Trưởng ban	Ngày 14 tháng 3 năm 2015
Ông Nguyễn Tiến Hiền	Thành viên	Ngày 14 tháng 3 năm 2015
Bà Hoàng Thị Kim Anh	Thành viên	Ngày 14 tháng 3 năm 2015

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Trần Hải Anh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2018
Bà Ninh Thị Luân	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Huyền	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2009
Ông Ngô Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 03 năm 2011
Ông Nguyễn Ngọc Hưng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2013
Bà Nguyễn Thị Phương Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2016

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Ngọc Bình – Chủ tịch Hội đồng quản trị (bổ nhiệm ngày 14 tháng 3 năm 2015).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty mẹ sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chức danh Hội đồng quản trị



Nguyễn Ngọc Bình

Ngày 02 tháng 4 năm 2019

5-6
HÀ
T
M
V
HÀ

Số: 2.0384/19/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các Công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 02 tháng 4 năm 2019, từ trang 07 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm lập báo cáo này, chúng tôi không thể xác nhận đầy đủ hoặc kiểm tra bằng các thủ tục kiểm toán thay thế đối với số dư các khoản công nợ phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của Công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 vào ngày 26 tháng 3 năm 2018 với ý kiến chấp nhận toàn phần, trong đó có nhấn mạnh về việc Công ty đang thực hiện tái cơ cấu nợ vay ngân hàng và không tính toán khoản lãi vay với số tiền là 21.949.228.290 VND theo thông báo số 135/VCB-TLO-KHDN ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam về việc giảm lãi vay.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Lê Văn Khoa - Phó Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1794-2018-008-1

Trần Anh Tuấn - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1708-2018-008-1

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		677.226.668.132	943.475.714.062
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	6.741.307.327	11.472.597.704
1. Tiền	111		6.741.307.327	11.472.597.704
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.265.017.600	318.432.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	342.250.000	342.250.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(77.232.400)	(23.818.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2d	10.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		350.879.028.851	548.608.868.780
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	398.082.927.951	418.319.489.682
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	64.259.629.494	83.706.260.529
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	197.115.268.466	261.117.177.727
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(308.842.803.123)	(214.798.065.220)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		264.006.062	264.006.062
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	307.423.486.674	379.563.885.975
1. Hàng tồn kho	141		394.117.161.165	453.461.359.044
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(86.693.674.491)	(73.897.473.069)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.917.827.680	3.511.929.603
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	57.616.409	69.462.732
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.860.211.271	3.442.466.871
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		988.104.550.241	879.151.404.879
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		500.346.333.067	523.408.316.482
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	500.346.333.067	523.408.316.482
<i>Nguyên giá</i>	222		634.209.271.532	640.710.805.222
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(133.862.938.465)	(117.302.488.740)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		458.409.037.544	326.479.162.921
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	458.409.037.544	326.479.162.921
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		29.195.062.944	29.149.827.436
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	27.395.062.944	27.349.827.436
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	5.400.000.000	5.400.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	(3.600.000.000)	(3.600.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		154.116.686	114.098.040
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	73.074.440	106.108.622
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		81.042.246	7.989.418
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.665.331.218.373	1.822.627.118.941

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.266.258.980.295	1.318.524.267.100
I. Nợ ngắn hạn	310		637.964.657.213	814.381.911.023
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	230.368.664.000	217.536.497.479
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	73.921.029.099	47.216.662.775
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	31.298.301.493	43.050.678.853
4. Phải trả người lao động	314		1.733.311.214	2.910.028.086
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14a	139.503.327.150	165.097.499.334
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15a	-	2.590.909.091
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	115.786.725.724	153.031.759.613
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	35.922.643.000	172.732.382.259
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	9.430.655.533	10.215.493.533
13. Quỹ bình ôn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		628.294.323.082	504.142.356.077
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.14b	-	73.425.044.177
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.15b	11.681.086.486	11.681.086.486
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	216.010.625.000	1.010.625.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	399.952.611.596	417.375.600.414
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	V.18	650.000.000	650.000.000
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		399.072.238.078	504.102.851.841
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	399.072.238.078	504.092.543.903
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		575.100.000.000	575.100.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		575.100.000.000	575.100.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		32.960.749.348	32.960.749.348
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(73.426.398.513)	(73.426.398.513)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		28.817.258.755	28.817.258.755
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(328.087.683.256)	(173.880.302.493)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(173.984.186.484)	(173.880.302.493)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(154.103.496.772)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		163.708.311.743	114.521.236.806
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	10.307.938
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	10.307.938
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.665.331.218.373	1.822.627.118.941

Lập, ngày 02 tháng 4 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị






Hoàng Mạnh Tuấn

Phạm Thị Chinh Lương

Nguyễn Ngọc Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	106.763.668.658	130.739.312.866
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		106.763.668.658	130.739.312.866
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	153.079.497.186	105.465.109.962
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(46.315.828.528)	25.274.202.904
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.216.690.261	3.453.064.736
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	21.098.940.484	17.817.042.778
Trong đó: chi phí lãi vay	23		19.686.747.678	20.400.425.120
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2b	45.235.508	3.512.920.623
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.550.150	18.782.050
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	100.987.957.965	208.318.788.437
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(165.142.351.358)	(193.914.425.002)
12. Thu nhập khác	31	VI.7	9.514.169.836	8.116.161.874
13. Chi phí khác	32	VI.8	301.051.785	6.269.021.155
14. Lợi nhuận khác	40		9.213.118.051	1.847.140.719
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(155.929.233.307)	(192.067.284.283)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		66.905.346	15.335.431.630
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(73.052.828)	20.943.164
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>(155.923.085.825)</u>	<u>(207.423.659.077)</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>(154.103.496.772)</u>	<u>(207.998.709.844)</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		<u>(1.819.589.053)</u>	<u>575.050.767</u>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>(2.961)</u>	<u>(3.996)</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	<u>(2.961)</u>	<u>(3.996)</u>

Người lập biểu

Hoàng Mạnh Tuấn

Kế toán trưởng

Phạm Thị Chinh Lương

Lập, ngày 02 tháng 4 năm 2019

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Ngọc Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

• Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(155.929.233.307)	(192.067.284.283)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9	22.928.253.760	24.411.233.490
- Các khoản dự phòng	03		106.894.353.725	177.519.788.410
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		283.311.447	379.073.398
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.252.762.000)	19.130.726.625
- Chi phí lãi vay	06	VI.6	19.686.747.678	20.400.425.120
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(9.389.328.697)	49.773.962.760
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		105.267.357.626	(91.115.509.094)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		59.344.197.879	12.013.052.919
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		158.923.383.875	45.988.059.267
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		44.880.505	398.687.536
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(77.407.890.164)	(25.336.874.207)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(192.471.449)	(1.243.247.313)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	(784.838.000)	(571.850.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		235.805.291.575	(10.093.718.132)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(121.794.378.747)	(122.464.130.386)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		363.636.369	726.818.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2d	(10.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(19.064.078)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	34.741.634.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.199.323.333	4.900
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(128.231.419.045)	(87.014.737.382)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.20	50.902.780.000		-	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-		-	
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	186.933.013.853		148.107.901.821	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(350.140.313.288)		(51.769.522.500)	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-		-	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<i>(112.304.519.435)</i>		<i>96.338.379.321</i>	
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50		<i>(4.730.646.905)</i>		<i>(770.076.193)</i>	
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	60	V.1	<i>11.472.597.704</i>		<i>12.240.784.017</i>	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(643.472)		1.889.880	
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	70	V.1	<i>6.741.307.327</i>		<i>11.472.597.704</i>	
					0	

Người lập biểu

Hoàng Mạnh Tuấn

Kế toán trưởng

Phạm Thị Chinh Lương

Lập, ngày 02 tháng 4 năm 2019

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Ngọc Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ, xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty:

- Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông thủy lợi;
- Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp đến 35KV;
- Thuê và cho thuê các máy móc, thiết bị ngành xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 04 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện An pha	Số 214 đường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La	Hoạt động thủy điện	59,5%	64,63%	51%	64,63%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Meco	Ngõ 102 đường Trường Chinh, quận Đống Đa, Hà Nội	Hoạt động thủy điện	95,09%	100%	89%	89%
Công ty Cổ phần Khoáng sản Meco	Thôn Đồng Lạt, xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình	Hoạt động khai thác khoáng sản	92,05%	92,03%	92,05%	75%
Công ty Cổ phần Bất động sản Meco	Ngõ 102 đường Trường Chinh, quận Đống Đa, Hà Nội	Hoạt động kinh doanh xây lắp	67,5%	67,5%	67,5%	67,5%

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5c. Danh sách các Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xây dựng thủy lợi Meco Sài Gòn	205 Nguyễn Xi, phường 26 quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	Xây dựng các công trình thủy lợi	28,05%	28,05%	28,05%	28,05%
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Xăng ⁽ⁱ⁾	2A14 tổ 1D, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Hoạt động thủy điện	77,95%	35%	77,95%	35%
Công ty Cổ phần Cơ khí Văn Lâm ⁽ⁱⁱ⁾	Thôn Ngọc Loan, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Kinh doanh, gia công cơ khí	100%	45%	100%	45%

(i) Mặc dù tỷ lệ phần sở hữu của Tập đoàn trong Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Xăng là hơn 50% nhưng theo thỏa thuận Tập đoàn không có quyền quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty này. Do vậy, Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Xăng không bị Tập đoàn kiểm soát mà chỉ có ảnh hưởng đáng kể và được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

(ii) Mặc dù tỷ lệ phần sở hữu của Công ty trong Công ty Cổ phần Cơ khí Văn Lâm là 100% nhưng theo thỏa thuận Tập đoàn không có quyền quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty này. Do vậy, Công ty Cổ phần Cơ khí Văn Lâm không bị Tập đoàn kiểm soát mà chỉ có ảnh hưởng đáng kể và được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

5d. Danh sách Công ty liên kết ngừng áp dụng hoặc không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn ngừng áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Hòa Bình do không thu thập được báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty này.

Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Hòa Bình có địa chỉ trụ sở chính tại tiểu khu 4, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai khoáng. Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong Công ty này là 32,49%, tỷ lệ lợi quyền biểu quyết là 46%.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn có 127 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 140 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

985
HI NH
CÓN
NH
TOA
A
TÀI
S Đ

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ trung bình của 03 ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của 03 ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

5-5
HAI
VI
HAI

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50
Máy móc và thiết bị	7 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tập đoàn tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.281.582.661	4.297.789.348
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.459.724.666	7.174.808.356
Cộng	6.741.307.327	11.472.597.704

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, số đầu năm là 34.240 cổ phiếu, số cuối năm là 36.808 cổ phiếu, trong năm Công ty được chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ là 7,5%, số lượng cổ phiếu được chia thêm là 2.568 cổ phiếu, chi tiết như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá gốc	342.250.000	342.250.000
Giá trị hợp lý	265.017.600	318.432.000
Dự phòng	(77.232.400)	(23.818.000)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	23.818.000	184.746.000
Trích lập dự phòng bổ sung	53.414.400	
Hoàn nhập dự phòng		(160.928.000)
Số cuối năm	77.232.400	23.818.000

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư</u>	<u>Cộng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư</u>	<u>Cộng</u>
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Meco Sài Gòn	4.207.240.000	(4.207.240.000)		4.207.240.000	(4.207.240.000)	
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Xăng	16.730.363.345		16.730.363.345	16.730.363.345		16.730.363.345
Công ty Cổ phần Cơ khí Văn Lâm	8.048.082.953	613.088.131	8.661.171.084	8.048.082.953	567.852.623	8.615.935.576
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Hòa Bình (*)	2.241.470.000	(237.941.485)	2.003.528.515	2.241.470.000	(237.941.485)	2.003.528.515
Cộng	31.227.156.298	(3.832.093.354)	27.395.062.944	31.227.156.298	(3.877.328.862)	27.349.827.436

(*) Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Hòa Bình được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp giá gốc do không thu thập được báo cáo tài chính năm 2018. Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư là số được xác định theo Báo cáo tài chính năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các Công ty liên kết như sau:

	<u>Giá trị phần sở hữu đầu năm</u>	<u>Phần lãi hoặc lỗ trong năm</u>	<u>Giá trị phần sở hữu cuối năm</u>
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Meco Sài Gòn			.
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Xăng	16.730.363.345		16.730.363.345
Công ty Cổ phần Cơ khí Văn Lâm	8.615.935.576	45.235.508	8.661.171.084
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Hòa Bình	2.003.528.515		2.003.528.515
Cộng	27.349.827.436	45.235.508	27.395.062.944

Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Xăng hiện đang trong giai đoạn đầu tư ban đầu xây dựng nhà máy thủy điện, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Các công ty liên kết khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên kết

Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các công ty liên kết.

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển các khu công nghiệp Hà Tĩnh	1.050.000.000	(1.050.000.000)	1.050.000.000	(1.050.000.000)
Công ty Cổ phần BP Tư vấn và Đầu tư Xây dựng	1.800.000.000		1.800.000.000	
Công ty Cổ phần Ván nhân tạo Yên Bái	2.550.000.000	(2.550.000.000)	2.550.000.000	(2.550.000.000)
Cộng	5.400.000.000	(3.600.000.000)	5.400.000.000	(3.600.000.000)

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	3.600.000.000	29.941.572.019
Trích lập dự phòng bổ sung		1.050.000.000
Hoàn nhập dự phòng		(27.391.572.019)
Số cuối năm	3.600.000.000	3.600.000.000

2d. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là sổ tiết kiệm có kỳ hạn số TK4560665, được Công ty ủy thác cho bà Lê Thị Bích Lộc đứng tên, theo hợp đồng ủy thác ngày 25/12/2018. Sổ tiết kiệm này đã được sử dụng để cầm cố cho khoản Bảo lãnh tạm ứng và Bảo lãnh thực hiện hợp đồng thi công gói thầu Tân Mỹ tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội - Chi nhánh Ba Đình.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	29.269.788.799	22.562.979.020
Công ty Cổ phần Cơ khí Văn Lâm	6.243.112.355	6.293.112.355
Công ty Cổ phần Ván Nhân tạo Yên Bái	10.188.163.252	10.188.163.252
Nguyễn Thị Phương Ngọc	3.969.724.900	3.969.724.900
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác tài sản Thiên Nam	8.868.788.292	2.111.978.513
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	368.813.139.152	395.756.510.662
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	3.899.137.778	7.041.088.073
Công ty Cổ phần Thương mại Đại Dương	115.061.656.391	129.798.032.043
Phải thu khách hàng của Dự án 102 Trường Chinh	14.059.418.200	14.112.542.200
Phải thu khách hàng của chi nhánh Tuyên Quang	45.500.000	
Phải thu khách hàng của chi nhánh Thanh Hóa	3.541.993.438	3.541.993.438
Phải thu khách hàng của chi nhánh Hồ Chí Minh	3.279.437.636	3.279.437.636
Các khách hàng khác	228.925.995.709	237.983.417.272
Cộng	<u>398.082.927.951</u>	<u>418.319.489.682</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	904.339.750
Công ty Cổ phần Cơ khí Văn Lâm	-	904.339.750
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	64.259.629.494	82.801.920.779
Công ty DKS Co. Ltd	23.145.455.220	23.145.455.220
Công ty TNHH Kính Long Giang Hưng Yên	9.618.560.520	10.187.635.290
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam số 5	14.464.625.391	14.464.625.391
Công ty TNHH Thiết bị điện Tân Thế Kỷ	2.425.757.639	23.720.370.436
Các nhà cung cấp khác	14.605.230.724	11.283.834.442
Cộng	<u>64.259.629.494</u>	<u>83.706.260.529</u>

5. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	40.000.000.000		10.500.000.000	
Ông Nguyễn Ngọc Bình - Tạm ứng	20.500.000.000		10.500.000.000	
Ông Nguyễn Ngọc Hưng - Tạm ứng	19.500.000.000			
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	157.115.268.466	(9.471.310.523)	250.617.177.727	(9.471.310.523)
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư - Xây dựng Bách Giang - DCI - Gốc và lãi vay	-		72.582.746.667	
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Xây dựng Bách Giang - DCI - Phải thu tiền hợp tác kinh doanh Dự án Khu Đô thị phía Đông huyện Văn Giang	-		35.000.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng cho cán bộ nhân viên	122.274.544.005		108.131.098.634	
Ký cược, ký quỹ	15.700.000		15.700.000	
Công ty TNHH Ngọc Quyền	9.577.520.000		12.124.495.000	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác chi nhánh Hồ Chí Minh	-		1.987.176.290	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	25.247.504.461	(9.471.310.523)	20.775.961.136	(9.471.310.523)
Cộng	197.115.268.466	(9.471.310.523)	261.117.177.727	(9.471.310.523)

6. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
Các bên liên quan		10.188.163.252		10.188.163.252
Công ty Cổ phần Văn nhân tạo Yên Bái	Trên 3 năm	10.188.163.252	Trên 3 năm	10.188.163.252
Các tổ chức và cá nhân khác		316.737.639.871		314.133.108.914
Công ty Cổ phần Thương mại Đại Dương	Trên 3 năm	115.061.656.391	Trên 3 năm	115.061.656.391
Công ty Cổ phần Cơ điện và xây dựng Việt Nam số 5	Trên 3 năm	45.049.975.366	Trên 3 năm	45.049.975.366
Công ty Cổ phần Máy và thiết bị Hà Nội	Trên 3 năm	26.070.462.180	Trên 3 năm	30.072.545.513
Công ty Cổ phần Linh Gas Việt Nam	Trên 3 năm	26.598.481.094	Trên 3 năm	26.598.481.094
Công ty Cổ phần Nam Vàng	Trên 3 năm	23.341.230.322	Trên 3 năm	23.341.230.322
Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CT Sông Tranh 2	Trên 3 năm	15.550.778.635	Trên 3 năm	15.550.778.635
Công ty Cổ phần Cơ điện và XDVN số 5	Trên 3 năm	14.464.625.391	Trên 3 năm	14.464.625.391
Công ty Cổ phần Cơ khí chính xác Vinashin	Trên 3 năm	10.183.899.220	Trên 3 năm	10.183.899.220
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Trên 3 năm	40.416.531.272	Trên 3 năm	33.809.916.982
Cộng		326.925.803.123		324.321.272.166

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	214.798.065.220	10.775.776.791
Trích lập dự phòng bổ sung	94.044.737.903	204.022.288.429
Số cuối năm	308.842.803.123	214.798.065.220

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	4.251.437.607		6.464.879.810	
Nguyên liệu, vật liệu	29.990.104.918		31.580.908.933	
Công cụ, dụng cụ	30.900.000		31.650.000	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	357.600.170.580	(86.693.674.491)	413.139.372.241	(73.897.473.069)
Thành phẩm	94.211.080		94.211.080	
Hàng hóa	2.031.817.685		2.031.817.685	
Hàng gửi đi bán	118.519.295		118.519.295	
Cộng	394.117.161.165	(86.693.674.491)	453.461.359.044	(73.897.473.069)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	73.897.473.069	73.897.473.069
Trích lập dự phòng	63.224.045.546	
Sử dụng dự phòng(*)	(50.427.844.124)	
Số cuối năm	86.693.674.491	73.897.473.069

(*) Trong đó, bao gồm số sử dụng dự phòng giảm giá hàng tồn kho để bù đắp tổn thất chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các chi nhánh đã tạm dừng hoạt động (Chi nhánh Thanh Hóa, số tiền 2.505.879.805 VND và Chi nhánh Hồ Chí Minh, số tiền 40.793.541.255 VND), theo Nghị quyết số 08/2018/NQ-HĐQT và số 09/2018/NQ-HĐQT ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

Là chi phí công cụ dụng cụ còn phải phân bổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	379.578.287.412	247.148.990.567	13.585.492.912	398.034.331	640.710.805.222
Thanh lý, nhượng bán		(6.319.715.508)	(181.818.182)		(6.501.533.690)
Số cuối năm	379.578.287.412	240.829.275.059	13.403.674.730	398.034.331	634.209.271.532

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

Chờ thanh lý

Số đầu năm	28.013.185.183	75.735.726.127	13.155.543.099	398.034.331	117.302.488.740
Khấu hao trong năm	11.301.427.917	11.355.144.802	271.681.041		22.928.253.760
Khấu hao từ nguồn kinh phí sự nghiệp		10.307.938			10.307.938
Thanh lý, nhượng bán		(6.319.715.508)	(58.396.465)		(6.378.111.973)
Số cuối năm	39.314.613.100	80.781.463.359	13.368.827.675	398.034.331	133.862.938.465

Giá trị còn lại

Số đầu năm	351.565.102.229	171.413.264.440	429.949.813		523.408.316.482
Số cuối năm	340.263.674.312	160.047.811.700	34.847.055		500.346.333.067

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	1.223.229.426			1.223.229.426
Xây dựng cơ bản dở dang	325.255.933.495	131.929.874.623		457.185.808.118
- Công trình Nậm Hóa 1	296.048.029.214	130.689.112.795		426.737.142.009
- Dự án Thủy điện Suối Choang	22.719.868.147	1.240.536.792		23.960.404.939
- Dự án mỏ đá Hòa Bình	6.380.731.594	225.036		6.380.956.630
- Dự án khu đô thị Meco - City	107.304.540			107.304.540
Cộng	326.479.162.921	131.929.874.623		458.409.037.544

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	34.192.480.370	38.428.700.339
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Meco Sài Gòn	441.678.926	7.355.057.212
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện	33.750.801.444	31.073.643.127
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	196.176.183.630	179.107.797.140
Sinotruck Liuzhou Yunli Special Vehicle Co. Ltd	19.823.530.480	19.428.349.520
Công ty TNHH Xây dựng Thủy điện Thủy lợi Giang Tây	17.182.926.735	17.182.926.735
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật và Thương mại Quốc Khánh	11.617.829.000	11.617.829.000
Các nhà cung cấp khác	147.551.897.415	130.878.691.885
Cộng	230.368.664.000	217.536.497.479

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	13.940.200.625	2.592.268.140
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Meco Sài Gòn	9.900.149	9.900.149
Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng cơ điện	4.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Xăng	9.940.200.625	2.582.367.991
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	59.980.828.474	44.624.394.635
Công ty Cổ phần Cơ khí Chính xác Vinashin	41.131.500.000	41.131.500.000
Ban quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi số 7	17.290.000.000	-
Các khách hàng khác	1.549.428.325	3.492.894.635
Cộng	73.921.029.099	47.216.662.775

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	17.797.958.973	9.003.389.874	(20.287.763.184)	6.513.585.663
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.928.373.621	66.905.346	(192.471.449)	15.802.807.518
Thuế thu nhập cá nhân	288.286.295	231.893.549	(262.986.119)	257.193.725
Thuế tài nguyên	468.871.016	1.992.224.921	(2.424.021.436)	37.074.501
Tiền thuê đất	162.953.911	328.822.936	(350.822.936)	140.953.911
Các loại thuế khác	22.925.700	510.381.000	(521.753.400)	11.553.300
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	8.381.309.337	785.796.454	(631.972.916)	8.535.132.875
Cộng	43.050.678.853	12.919.414.080	(24.671.791.440)	31.298.301.493

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn/dài hạn

14a. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	5.450.222.484	4.435.409.997
Ông Nguyễn Ngọc Bình - Chi phí lãi vay phải trả	5.450.222.484	4.435.409.997
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	134.053.104.666	160.662.089.337
Chi phí lãi vay phải trả	16.272.464.664	24.399.051.734
Lãi trái phiếu phải trả	105.726.000	105.726.000
Chi phí công trình	114.375.800.404	132.586.205.278
Chi phí hỗ trợ di dời	1.620.400.273	1.620.400.273
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.678.713.325	1.950.706.052
Cộng	<u>139.503.327.150</u>	<u>165.097.499.334</u>

14b. Chi phí phải trả dài hạn

Là chi phí lãi vay phải trả

15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn/dài hạn

15a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là doanh thu cho thuê văn phòng.

15b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Là doanh thu nhận trước dự án 102 Trường Chinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**16. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác****16a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	5.282.309.515	315.355.133
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Meco Sài Gòn	137.469.755	137.469.755
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác tài sản Thiên Nam-đặt cọc mua cổ phần	5.000.000.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Xăng	144.839.760	177.885.378
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	110.504.416.209	152.716.404.480
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	162.938.286
Kinh phí công đoàn	194.375.693	203.975.334
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	868.789.310	1.101.252.777
Phải trả về cổ phần hóa	252.180.000	252.180.000
Cổ tức lợi nhuận phải trả	2.770.883.026	2.770.883.026
Phải trả ông Trần Ngọc Long tiền mua bán cổ phần	-	41.010.970.000
Phí bảo trì căn hộ	17.697.488.711	17.703.702.411
Phải trả về Công trình Thành Thái	-	17.572.102.608
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	88.720.699.469	71.938.400.038
Cộng	115.786.725.724	153.031.759.613

16b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả bên liên quan	215.000.000.000	
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác tài sản Thiên Nam – Góp vốn Hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	215.000.000.000	
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	1.010.625.000	1.010.625.000
Nhận ký quỹ ký cược	1.010.625.000	1.010.625.000
Cộng	216.010.625.000	1.010.625.000

(*) Căn cứ hợp đồng Hợp tác kinh doanh số:06/HDHT/MECO-TN ngày 02 tháng 4 năm 2018, giữa Công ty (Bên A) và Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác tài sản Thiên Nam (Bên B), hai bên thỏa thuận cùng góp vốn liên doanh để đồng kiểm soát Khu vực hợp tác kinh doanh (gồm khối để trung tâm thương mại tòa HH1 và HH2, văn phòng Meco Complex, diện tích 7.000 m² và tầng hầm B1, B2, B3, tầng hầm B1-HH2, diện tích 5.000 m²). Thời hạn hợp đồng là 05 năm, kể từ ngày ký hợp đồng. Theo đó:

- Bên B góp vốn 215 tỷ VND, giao cho Bên A nắm giữ. Bên B được quyền: Sử dụng mặt bằng Khu vực hợp tác kinh doanh để khai thác, cho thuê và trực tiếp thu tiền từ cho thuê.
- Bên A được hưởng khoản tiền cố định 2,85 tỷ VND/quý, không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng hợp tác kinh doanh.
- Trong quá trình khai thác, nếu Bên B có nhu cầu mua lại Khu vực hợp tác kinh doanh, Bên A có nghĩa vụ ưu tiên bán lại Khu vực hợp tác kinh doanh cho Bên B, theo giá thỏa thuận trên cơ sở tham khảo giá thị trường và kết quả định giá độc lập tại thời điểm Bên B đề nghị mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

17. Vay ngắn/dài hạn

17a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn bên liên quan</i>	<i>24.507.003.000</i>	<i>63.207.003.000</i>
Ông Nguyễn Ngọc Bình ⁽¹⁾	24.507.003.000	63.207.003.000
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>4.327.250.000</i>	<i>104.731.989.259</i>
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Thiệu Hóa	27.250.000	27.250.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	-	100.204.739.259
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên ⁽²⁾	4.300.000.000	4.500.000.000
<i>Vay cá nhân</i>	<i>1.008.390.000</i>	<i>293.390.000</i>
<i>Vay ngắn hạn đến hạn trả (Xem thuyết minh V.17b)</i>	<i>6.080.000.000</i>	<i>4.500.000.000</i>
Cộng	<u>35.922.643.000</u>	<u>172.732.382.259</u>

(1) Khoản vay Ông Nguyễn Ngọc Bình – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty để bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn. Thời hạn cho vay là 12 tháng, khoản vay được tiếp tục gia hạn khi đến thời gian đáo hạn mà người cho vay chưa có nhu cầu rút vốn. Lãi suất cho vay sẽ được hai bên thỏa thuận thống nhất khi tái toán hợp đồng vay.

(2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Thái Nguyên theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 102/14/HĐTD/TN ngày 24 tháng 9 năm 2014 về việc cung cấp hạn mức cho vay: 20.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Bất động sản Meco. Thời hạn cho vay là 12 tháng tính từ ngày rút vốn đến ngày trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn. Lãi suất cho vay áp dụng theo thông báo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ và cố định trong thời gian hiệu lực của từng giấy nhận nợ.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh</u>	<u>Kết chuyển từ vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Số tiền vay đã trả</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn bên liên quan	63.207.003.000	78.545.000.000	-	(117.245.000.000)	24.507.003.000
Vay ngắn hạn các cá nhân khác	293.390.000	715.000.000	-	-	1.008.390.000
Vay ngắn hạn ngân hàng	104.731.989.259	4.300.000.000	-	(104.704.739.259)	4.327.250.000
Vay dài hạn đến hạn trả	4.500.000.000	-	6.080.000.000	(4.500.000.000)	6.080.000.000
Số cuối năm	<u>172.732.382.259</u>	<u>83.560.000.000</u>	<u>6.080.000.000</u>	<u>(226.449.739.259)</u>	<u>35.922.643.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay dài hạn phải trả các bên liên quan</i>	<i>34.597.220.000</i>	
Ông Nguyễn Ngọc Bình	34.597.220.000	
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	<i>365.355.391.596</i>	<i>417.375.600.414</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	121.650.574.029
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La	365.355.391.596	295.725.026.385
Cộng	<u>399.952.611.596</u>	<u>417.375.600.414</u>

(*) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sơn La số 02/02/2011/HDTDNH2 ngày 22 tháng 4 năm 2011, mục đích vay phục vụ đầu tư xây dựng Dự án nhà máy Thủy điện Nậm Hóa 2. Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên là tài sản cố định hình thành từ dự án.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh</u>	<u>Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Số tiền vay đã trả</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	417.375.600.414	77.750.365.211	(6.080.000.000)	(123.690.574.029)	365.355.391.596
Vay dài hạn cá nhân liên quan		34.597.220.000	-		34.597.220.000
Cộng	<u>417.375.600.414</u>	<u>112.347.585.211</u>	<u>(6.080.000.000)</u>	<u>(123.690.574.029)</u>	<u>399.952.611.596</u>

18. Trái phiếu chuyển đổi

Công ty phát hành trái phiếu chuyển đổi ngày 31 tháng 12 năm 2009, kỳ hạn 36 tháng, lãi suất 12%/năm để bổ sung nguồn vốn đầu tư vào các dự án của Công ty, trả lãi định kỳ 1 năm/lần, lãi không nhập gốc. Trái phiếu này đã hết hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngừng tính lãi từ thời điểm hết hạn.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	5.424.407.990		5.424.407.990
Quỹ phúc lợi	2.763.559.205	(784.838.000)	1.978.721.205
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	2.027.526.338		2.027.526.338
Cộng	<u>10.215.493.533</u>	<u>(784.838.000)</u>	<u>9.430.655.533</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**20. Vốn chủ sở hữu****20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	575.100.000.000	32.960.749.348	(73.426.398.513)	28.817.258.755	34.551.042.977	9.126.577.105	607.129.229.672
Cổ đông không kiểm soát góp vốn vào Công ty con						104.819.608.934	104.819.608.934
Lợi nhuận trong năm trước					(207.998.709.844)	575.050.767	(207.423.659.077)
Giảm khác					(432.635.626)	-	(432.635.626)
Số dư cuối năm trước	575.100.000.000	32.960.749.348	(73.426.398.513)	28.817.258.755	(173.880.302.493)	114.521.236.806	504.092.543.903
Số dư đầu năm nay	575.100.000.000	32.960.749.348	(73.426.398.513)	28.817.258.755	(173.880.302.493)	114.521.236.806	504.092.543.903
Cổ đông không kiểm soát góp vốn vào Công ty con						-	50.902.780.000
Lợi nhuận trong năm nay					(154.103.496.772)	(1.819.589.053)	(155.923.085.825)
Tăng giảm do thay đổi tỷ lệ lợi ích trong Công ty con					(103.883.991)	103.883.991	-
Số dư cuối năm nay	575.100.000.000	32.960.749.348	(73.426.398.513)	28.817.258.755	(328.087.683.256)	163.708.311.743	399.072.238.078

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Nguyễn Ngọc Bình	89.988.800.000	89.988.800.000
Các cổ đông khác	485.111.200.000	485.111.200.000
Cộng	575.100.000.000	575.100.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	57.510.000	57.510.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	57.510.000	57.510.000
- Cổ phiếu phổ thông	57.510.000	57.510.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	5.460.000	5.460.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.460.000	5.460.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	52.050.000	52.050.000
- Cổ phiếu phổ thông	52.050.000	52.050.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21. Nguồn kinh phí

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	10.307.938	20.793.190
Chi sự nghiệp	(10.307.938)	(10.485.252)
Số cuối năm	0	10.307.938

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngoại tệ các loại		
Dollar Mỹ (USD)	788,70	837,54
Euro (EUR)	317,22	328,14
Nợ khó đòi đã xử lý	4.857.933.003	4.857.933.003

TRAC KIEM
2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	35.896.212.480	7.862.891.531
Doanh thu hợp đồng xây dựng	18.554.450.909	68.017.904.645
Doanh thu kinh doanh bất động sản	-	192.244.942
Doanh thu sản xuất kinh doanh điện	28.070.877.437	32.667.634.421
Doanh thu cung cấp dịch vụ	24.242.127.832	21.998.637.327
Cộng	<u>106.763.668.658</u>	<u>130.739.312.866</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn chỉ phát sinh doanh thu với bên liên quan là Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác tài sản Thiên Nam như sau: Doanh thu tiền điện, cho thuê mặt bằng và hợp tác kinh doanh: 9.467.250.842 VND.

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	34.914.874.037	7.387.496.822
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	19.464.174.414	63.774.546.573
Giá vốn kinh doanh bất động sản	-	192.244.942
Giá vốn hoạt động sản xuất kinh doanh điện	15.828.588.961	16.036.761.765
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	63.224.045.546	
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	19.647.814.228	18.074.059.860
Cộng	<u>153.079.497.186</u>	<u>105.465.109.962</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	17.366.928	5.263.643
Lãi tiền cho vay	3.199.323.333	3.447.796.193
Doanh thu tài chính khác		4.900
Cộng	<u>3.216.690.261</u>	<u>3.453.064.736</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	19.686.747.678	20.400.425.120
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	283.311.447	379.073.398
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	53.414.400	(3.089.069.080)
Chi phí tài chính khác	1.075.466.959	126.613.340
Cộng	<u>21.098.940.484</u>	<u>17.817.042.778</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

Là chi phí nhân viên bán hàng.

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	5.367.502.740	1.781.261.181
Chi phí vật liệu quản lý	89.591.846	160.717.530
Chi phí đồ dùng văn phòng	74.647.262	104.680.741
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.702.404	7.702.404
Thuế, phí và lệ phí	33.396.405	9.000.000
Dự phòng phải thu khó đòi	94.044.737.903	204.022.288.429
Chi phí dịch vụ mua ngoài	252.444.787	923.637.780
Các chi phí khác	1.117.934.618	1.309.500.372
Cộng	<u>100.987.957.965</u>	<u>208.318.788.437</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	53.438.667	75.459.414
Thu nhập từ lãi vay được miễn	9.240.225.140	
Thu nhập khác	220.506.029	8.040.702.460
Cộng	<u>9.514.169.836</u>	<u>8.116.161.874</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	151.237.747	6.039.334.171
Chi phí khác	149.814.038	229.686.984
Cộng	<u>301.051.785</u>	<u>6.269.021.155</u>

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế.

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(154.103.496.772)	(207.998.709.844)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(154.103.496.772)	(207.998.709.844)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	52.050.000	52.050.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>(2.961)</u>	<u>(3.996)</u>

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	31.871.800.372	38.267.526.951
Chi phí nhân công	7.660.896.213	9.091.485.084
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.890.710.437	11.840.447.758
Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.659.504.560	4.332.170.787
Chi phí khác (*)	194.359.817.893	276.494.476.717
Cộng	<u>289.442.729.475</u>	<u>340.026.107.297</u>

(*) trong đó

<i>Dự phòng nợ phải thu khó đòi</i>	94.044.737.903	204.022.288.429
<i>Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</i>	63.224.045.546	-

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn phát sinh giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt, cụ thể:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thành viên HĐQT tạm ứng	19.500.000.000	
Vay Chủ tịch HĐQT	71.097.220.000	
Lãi vay phải trả Chủ tịch HĐQT	3.108.360.432	

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.11, V.12 và V.16.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong năm là 1.723.936.562 VND (năm trước là 888.864.477 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Meco Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Xăng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cơ khí Văn Lâm	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Hòa Bình	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác tài sản Thiên Nam	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng Cơ điện	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tập đoàn còn phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác tài sản Thiên Nam		
Góp vốn hợp đồng hợp tác kinh doanh	215.000.000.000	-
Đặt cọc mua cổ phần Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Xăng	5.000.000.000	-

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.11, V.12 và V.16.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

2a. *Thông tin về lĩnh vực kinh doanh*

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

Trình bày các loại sản phẩm và dịch vụ trong mỗi lĩnh vực kinh doanh

- Lĩnh vực 01: Xây lắp
- Lĩnh vực 02: Kinh doanh bất động sản
- Lĩnh vực 03: Cung cấp điện thương phẩm
- Lĩnh vực 04: Kinh doanh khác

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực bán điện thương phẩm	Các lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	18.554.450.909		28.070.877.437	60.138.340.312	106.763.668.658
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận					-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.554.450.909	-	28.070.877.437	60.138.340.312	106.763.668.658
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(909.723.505)		12.242.288.476	(57.648.393.499)	(46.315.828.528)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(100.989.508.115)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(147.305.336.643)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết					45.235.508
Doanh thu hoạt động tài chính					3.216.690.261
Chi phí tài chính					(21.098.940.484)
Thu nhập khác					9.514.169.836
Chi phí khác					(301.051.785)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					66.905.346
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(73.052.828)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					(155.923.085.825)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác					
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	3.984.699.703	-	6.028.419.679	12.915.134.378	22.928.253.760

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực bán điện thương phẩm	Các lĩnh vực khác	Cộng
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	68.017.904.645	192.244.942	32.667.634.421	29.861.528.858	130.739.312.866
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận					-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	68.017.904.645	192.244.942	32.667.634.421	29.861.528.858	130.739.312.866
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	4.243.358.072		16.630.872.656	4.399.972.176	25.274.202.904
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(208.337.570.487)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(183.063.367.583)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết					3.512.920.623
Doanh thu hoạt động tài chính					3.453.064.736
Chi phí tài chính					(17.817.042.778)
Thu nhập khác					8.116.161.874
Chi phí khác					(6.269.021.155)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					15.335.431.630
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					20.943.164
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					(207.423.659.077)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác					
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	12.705.544.340	35.910.789	6.102.217.935	5.578.045.677	24.421.718.742

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh cho báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được điều chỉnh hồi tố và trình bày lại như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán hợp nhất					
Phải thu ngắn hạn khác	136	214.058.832.727	47.058.345.000	261.117.177.727	(ii), (iii)
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(10.775.776.791)	(204.022.288.429)	(214.798.065.220)	(iv)
Hàng tồn kho	141	480.040.399.498	(26.579.040.454)	453.461.359.044	(iii)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	62.623.422.813	(35.273.595.377)	27.349.827.436	(ii), (v)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	2.764.766.533	(2.756.777.115)	7.989.418	
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	153.515.412.142	11.582.087.192	165.097.499.334	(vi)
Phải trả ngắn hạn khác	319	163.143.765.275	(10.112.005.662)	153.031.759.613	(vi), (vii)
Phải trả dài hạn khác	337	-	1.010.625.000	1.010.625.000	(vii)
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	417.580.594.891	(204.994.477)	417.375.600.414	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	36.184.799.713	(210.065.102.206)	(173.880.302.493)	(i), (iv), (v)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất					
Chi phí tài chính	22	11.255.081.693	6.561.961.085	17.817.042.778	(ix)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	(2.735.833.951)	2.756.777.115	20.943.164	(xi)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	2.641.443.129	(210.065.102.206)	(207.423.659.077)	
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất					
Lợi nhuận trước thuế	01	15.241.040.808	(207.308.325.091)	(192.067.284.283)	
Các khoản dự phòng	03	(26.502.500.019)	204.022.288.429	177.519.788.410	
Chi phí lãi vay	06	18.021.089.220	2.379.335.900	20.400.425.120	
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(91.455.254.471)	339.745.377	(91.115.509.094)	
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(2.441.492.535)	14.454.545.454	12.013.052.919	
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	46.091.683.115	(103.623.848)	45.988.059.267	

Các điều chỉnh bao gồm:

	<u>Nội dung</u>	<u>Số tiền</u>
(ii)	Phân loại lại khoản phải thu Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Xây dựng Bách Giang - DCI - Phải thu tiền hợp tác kinh doanh Dự án Khu Đô thị phía Đông huyện Văn Giang đang được phản ánh trên khoản mục “Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết”	35.000.000.000
(iii)	Phân loại lại hàng hòa tồn kho đã cho Công ty TNHH Ngọc Quyền mượn sang khoản mục “Phải thu ngắn hạn khác”	12.124.495.000
(iv)	Trích lập bổ sung dự phòng công nợ phải thu khó đòi đến 31 tháng 12 năm 2017	204.022.288.429

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(v)	Xác định lại khoản đầu tư vào Công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu	35.273.595.377
(vi)	Phân loại lại chi phí lãi vay ngân hàng phải trả đang theo dõi trên khoản mục "Phải trả ngắn hạn khác"	11.582.087.192
(vii)	Phân loại lại các khoản nhận Ký cược ký quỹ có thời hạn trên 1 năm đang phản ánh trên "Khoản mục Phải trả ngắn hạn khác hạn."	9.101.380.662
(viii)	Phân loại lại chi phí lãi vay đang được phản ánh vào "giá vốn hàng bán"	6.561.961.085

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 28 tháng 01 năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐQT về việc thống nhất thoái toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Xăng, số lượng 1.673.036 cổ phần bằng hình thức chuyển nhượng cho đối tác khác, với giá chuyển nhượng đảm bảo không thấp hơn vốn đã thực góp.

Ngoài sự kiện nêu trên, không còn sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 02 tháng 4 năm 2019

Người lập biểu

Hoàng Mạnh Tuấn

Kế toán trưởng

Phạm Thị Chinh Lương

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Ngọc Bình

